

TÀI LIỆU

B.A.S
HỆ THỐNG KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP



Mục lục

| | |
|---|----|
| Mục lục | 2 |
| GIỚI THIỆU PHẦN MỀM HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP..... | 3 |
| HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN | 3 |
| “ <i>B.A.S.</i> ” | 3 |
| 1 Sơ đồ vận hành: | 4 |
| a. Kế toán mua hàng: | 4 |
| b. Kế toán bán hàng: | 4 |
| c. Kế toán thu chi | 5 |
| d. Kế toán kho | 5 |
| e. Kế toán tiền lương: | 5 |
| f. Kế toán tổng hợp | 5 |
| g. Quản lý tài sản : | 6 |
| h. Quản lý hoạt động sản xuất | 6 |
| i. Thiết lập hệ thống báo cáo: | 6 |
| 1. Phân quyền người dùng: | 6 |
| 2- Quản trị hệ thống: | 9 |
| Thay đổi ngày làm việc, chọn “Lưu” để chấp nhận ngày làm việc mới. | 10 |
| 3- Cập nhật số liệu: | 11 |
| Các nội dung chi tiết: | 12 |
| Việc tìm kiếm các tài khoản tương tự như tìm kiếm chi tiết vật tư hay đối tượng công nợ. | 13 |
| b. Danh mục loại vật tư, hàng hoá: | 15 |
| c. Danh mục chi tiết vật tư - hàng hoá – thành phẩm. | 15 |
| d. Số dư tồn kho đầu kỳ | 17 |
| e. Phiếu nhập kho: | 19 |
| f. Phiếu xuất kho: | 21 |
| Sử dụng giống như “Phiếu nhập kho” | 22 |
| g. Phiếu chuyển kho nội bộ: | 23 |
| Thực hiện nghiệp vụ uỷ nhiệm chi thông qua hệ thống ngân hàng | 38 |
| Thực hiện nghiệp vụ chi tiền thông qua tài khoản tại ngân hàng | 39 |
| Chọn mục “Tổng hợp” ở menu bên trái..... | 46 |
| Hoặc dùng phiếu nội bộ để kết chuyển số thuế GTGT được khấu trừ trong tháng;..... | 47 |
| Sau khi thực hiện xong thì Người sử dụng Click vào “Hoàn tất”..... | 50 |
| HỆ THỐNG BÁO CÁO | 53 |
| Người sử dụng chọn theo Tháng, Quý hoặc năm | 59 |
| NÊN & KHÔNG NÊN | 62 |

GOLDEN LAND GROUP COMPANY

GIỚI THIỆU PHẦN MỀM HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

“B.A.S.”

Business Accounting System

- ❖ Phần mềm kế toán BAS được thiết kế theo Thông tư 103/2005/TT-BTC ngày 24/11/2005 của Bộ Tài Chính: Quy định về tiêu chuẩn và điều kiện của Phần mềm kế toán;
- ❖ Phần mềm kế toán BAS được cập nhật nội dung theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính (dùng cho DN vừa và nhỏ) và theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài Chính (dùng cho DN nhỏ và vừa)
- ❖ Hỗ trợ thiết lập các báo cáo thuế GTGT theo mẫu của Cơ quan thuế và in báo cáo thuế bằng mã vạch.
- ❖ Kiểm soát được toàn diện tình hình tài chính - kế toán của Doanh nghiệp.
- ❖ Thiết kế theo yêu cầu đặc thù của từng Doanh nghiệp.
- ❖ Sử dụng font chuẩn Unicode
- ❖ Hệ thống cơ sở dữ liệu SQL 2000
- ❖ Giao diện làm việc: Tiếng Việt – Tiếng Anh – Tiếng Hoa
- ❖ Ngôn ngữ trên các báo cáo Tiếng Việt – Tiếng Anh – Tiếng Hoa
- ❖ Hình thức ghi sổ Nhật ký chung/ Nhật ký sổ cái/ Chứng từ ghi sổ
- ❖ Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Bình quân gia quyền - LIFO- FIFO

I. MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG:

Được xây dựng trên mô hình hoạt động chung của các hệ thống kế toán thương mại, dịch vụ và sản xuất đặc thù, hệ thống kế toán B.A.S hoạt động như sau:

1 Sơ đồ vận hành

. Diễn giải chi tiết:

a. Kế toán mua hàng:

Kế toán mua hàng cập nhật và theo dõi các thông tin liên quan đến quá trình mua hàng của đơn vị từ Nhà cung cấp, chi phí phát sinh liên quan đến quá trình mua hàng bao gồm cả mua hàng hoá và dịch vụ phát sinh trong quá trình hoạt động của đơn vị:

- Thiết lập và theo dõi đơn đặt hàng đến nhà cung cấp;
- Lưu trữ dữ liệu về Nhà cung cấp, các vật tư, hàng hoá liên quan;
- Cập nhật thông tin nhận hàng, hoá đơn mua hàng;
- Cập nhật thông tin về công nợ phải trả cho nhà cung cấp;
- Thiết lập bảng kê thuế GTGT hàng hoá dịch vụ mua vào;
- Thiết lập dữ liệu hàng mua vào;
- Trên cơ sở thông tin mua hàng, hệ thống sẽ tự động tính giá vốn xuất kho bình quân đối với vật tư, hàng hoá được xuất kho hay bán ra;
- Cung cấp số liệu cho kế toán tổng hợp, cho phép đưa ra các sổ sách và báo cáo tổng hợp;
- Kế toán mua hàng bao gồm:
 - Theo dõi đơn đặt hàng;
 - Nhập kho hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ;
 - Theo dõi chi phí dịch vụ phát sinh;
 - Theo dõi quá trình trả lại hàng hóa, nguyên vật liệu, CCDC về cho Nhà cung cấp.

b. Kế toán bán hàng:

Kế toán bán hàng cập nhật và theo dõi các thông tin liên quan đến quá trình bán hàng của đơn vị cho khách hàng, quản lý doanh số phát sinh, số lượng hàng hoá, dịch vụ bán ra:

- Nhận đơn đặt hàng và thiết lập hệ thống theo dõi đơn hàng từ khách hàng;
- Cập nhật thông tin xuất bán hàng hoá, dịch vụ; hoá đơn bán hàng;
- Cung cấp số liệu cho các sổ sách liên quan đến công nợ khách hàng chi tiết và tổng hợp theo yêu cầu quản trị chung;
- Thiết lập bảng kê thuế GTGT hàng hoá dịch vụ bán ra;
- Thiết lập dữ liệu hàng bán ra;

- Cung cấp thông tin liên quan đến doanh số bán hàng, công nợ, thuế...
- Cung cấp số liệu cho kế toán tổng hợp, cho phép đưa ra các sổ sách và báo cáo tổng hợp;
- Kế toán bán hàng bao gồm:
 - Lập hoá đơn bán hàng,
 - Lập hoá đơn dịch vụ phát sinh,
 - Lập thông tin hàng trả về từ khách hàng,

c. Kế toán thu chi

Module Kế toán thu chi thiết lập và lưu trữ các thông tin liên quan đến hoạt động thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ... với mục tiêu theo dõi dòng lưu chuyển tiền tệ trong đơn vị; đồng thời cung cấp liên kết với các phân hệ mua hàng, bán hàng với mục tiêu theo dõi công nợ của khách hàng và nhà cung cấp

- Cập nhật phiếu thu, phiếu chi, các phiếu uỷ nhiệm thu, chi,...
- Theo dõi số tiền thu được từ khách hàng, số tiền phải trả cho nhà cung cấp
- Cung cấp thông tin cho hệ thống kế toán tổng hợp
- Kế toán thu, chi bao gồm:
 - Lập phiếu thu
 - Lập phiếu chi

d. Kế toán kho

Module Kế toán kho thiết lập và lưu trữ các thông tin xuất nhập kho, quản lý chi tiết hàng tồn kho, phân loại, tính giá vốn, đồng thời đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời về tình hình vật tư, hàng hoá, hiện tại trong kho

- Cập nhật Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho vật tư, hàng hoá
- Theo dõi: Nhập- Xuất-Tồn kho hàng hoá, vật tư, nguyên liệu xuất tại mọi thời điểm,
- Cung cấp thông tin cho hệ thống kế toán tổng hợp

e. Kế toán tiền lương:

Module Kế toán tiền lương thiết lập và lưu trữ các thông tin về nhân sự, các mức phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn. Quản lý và theo dõi biến động về nhân sự, thiết lập bảng lương và kết nối tới module kế toán tổng hợp cho phép định khoản và theo dõi chứng từ.

f. Kế toán tổng hợp

Module Kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán nội bộ doanh nghiệp, các bút toán điều chỉnh đồng thời chịu trách nhiệm tổng hợp mọi số liệu phát sinh từ các phân hệ kế toán khác nhằm thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu cuối cùng phục vụ cho hệ thống thiết lập báo cáo

- Cập nhật các bút toán nội bộ
- Cập nhật các phiếu điều chỉnh

- Cập nhật giá vốn hàng bán
- Kết chuyển số liệu cuối kỳ
- Tổng hợp số liệu cho hệ thống báo cáo

g. Quản lý tài sản :

Module Quản lý tài sản cho phép đơn vị quản lý chi tiết thông tin tài sản trong doanh nghiệp theo từng phòng ban, từng loại hình tài sản. Module này cho phép theo dõi việc hao mòn và tính khấu hao tài sản theo các công thức đã được định sẵn.

h. Quản lý hoạt động sản xuất

Module này được thiết kế độc lập hay có thể tích hợp với hệ thống kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất với yêu cầu tính giá thành cụ thể và chi tiết cho các thành phẩm sản xuất trong đơn vị. Tùy thuộc vào yêu cầu đặc thù của từng đơn vị, hệ thống sẽ được khảo sát và thiết kế cụ thể.

i. Thiết lập hệ thống báo cáo:

Hệ thống báo cáo là một module được tích hợp chặt chẽ vào các module trên. Trên cơ sở kho dữ liệu đã được tổng hợp, hệ thống cung cấp công cụ thiết kế các báo cáo theo đặc thù quản lý chi tiết của từng đơn vị; đảm bảo tính linh hoạt và nhanh chóng trong công tác quản lý của doanh nghiệp,

Các hệ thống báo cáo thường được phân chia thành:

- Các báo cáo tài chính
- Các báo cáo thuế
- Các sổ sách và báo cáo theo đặc thù quản trị của doanh nghiệp.

II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

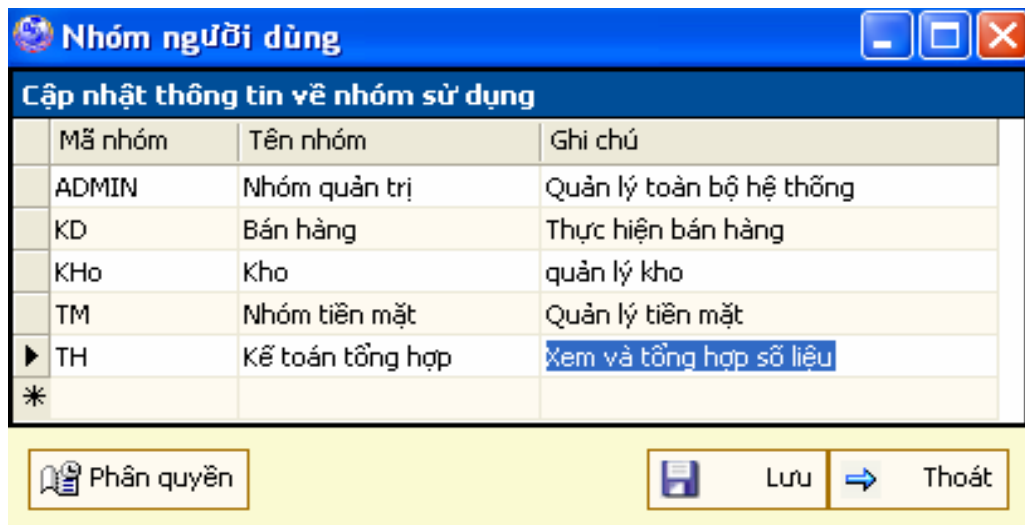
1. Phân quyền người dùng:

Hệ thống kế toán hỗ trợ đa người dùng, do vậy người quản trị có thể phân quyền sử dụng cho các người dùng hệ thống tùy theo yêu cầu sử dụng và quản lý hệ thống;

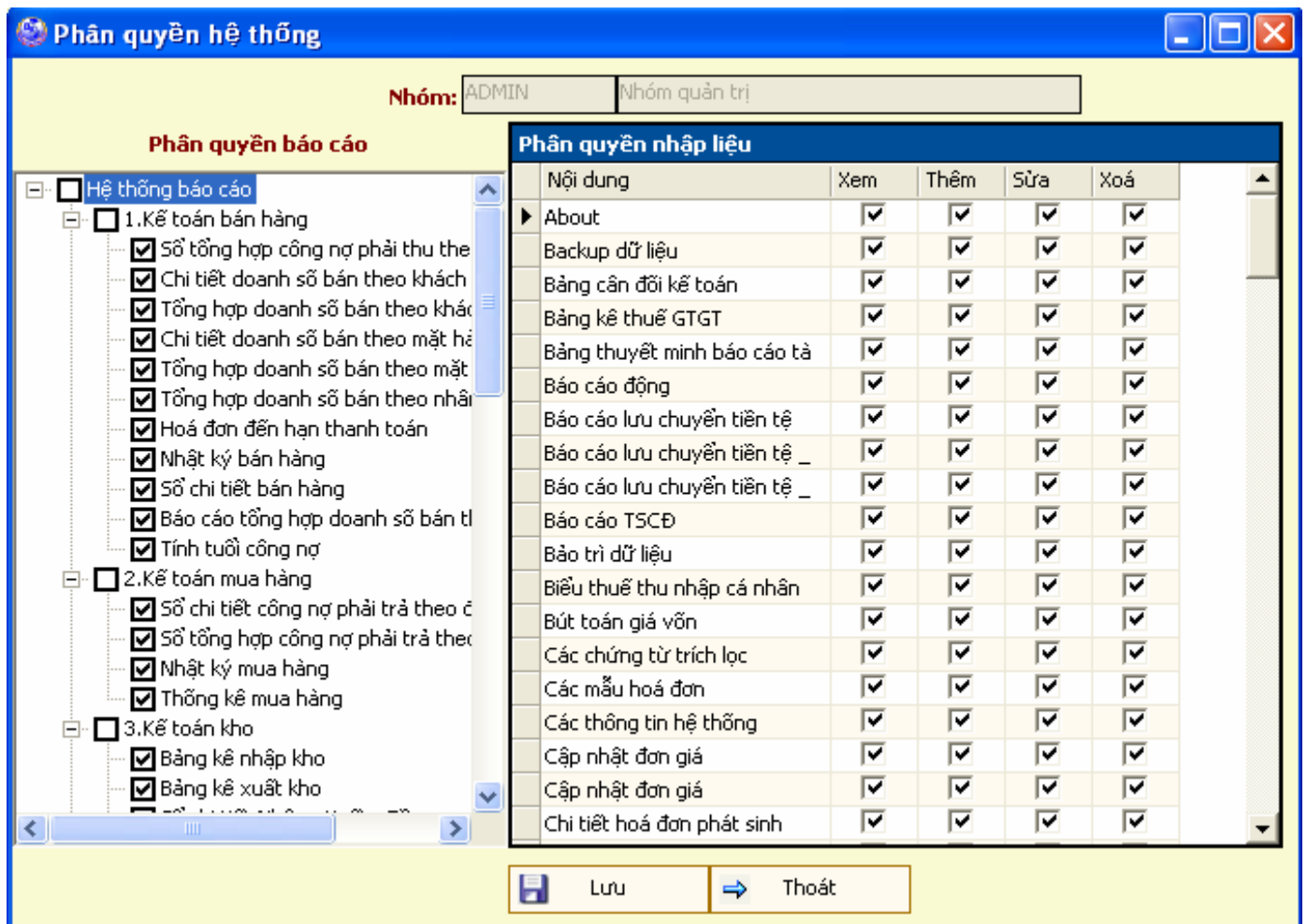
1.1- Nhóm người sử dụng:

Trên menu chính chọn “1.Hệ thống >> 1.Quản trị người sử dụng >> 1.Phân quyền nhóm sử dụng”.

Nhóm người sử dụng: thiết lập danh sách các nhóm người sử dụng, mỗi một nhóm người sử dụng sẽ được phân chia sử dụng các chức năng của chương trình tùy theo nhu cầu của từng Doanh nghiệp;



Vào chức năng “phân quyền”, ta nhận thấy có 2 hình thức phân quyền sau:



- Phân quyền nhập liệu: bao gồm hệ thống các chứng từ nhập liệu, các danh mục dùng chung cho toàn bộ hệ thống kế toán. Mỗi một nhóm người dùng sẽ được phép sử dụng đối với một

số chứng từ nhất định. Ví dụ: Nhóm quản trị có tất cả các chức năng, Nhóm kinh doanh chỉ có chức năng bán hàng, Nhóm kho chỉ có chức năng quản lý kho,...

- Hệ thống báo cáo: Cũng giống như phân quyền nhập liệu. Mỗi một nhóm người dùng sẽ được phép sử dụng đối với một số báo cáo kế toán nhất định được phân chia theo từng nghiệp vụ cụ thể. Người quản trị sẽ lựa chọn, phân quyền sử dụng các báo cáo cho từng nhóm người; đảm bảo tính bảo mật cho số liệu kế toán của doanh nghiệp.

1.2-Danh mục người dùng:

Trên menu chính chọn “1.Hệ thống >> 1.Quản trị người sử dụng >> 2.Danh mục người dùng”.

Mỗi người dùng sẽ thuộc một nhóm người sử dụng đã được thiết lập và phân quyền ở mục 1.1

| Mã | Tên người dùng | Nhóm |
|--------|-------------------|-------|
| Admin | Administrator | ADMIN |
| Golden | Golden Land Group | ADMIN |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

Người dùng: Admin Administrator

Nhóm: ADMIN Nhóm quản trị

Mật khẩu: ***** **Xác nhận:** *****

In Mới Lưu Xóa Thoát

Người sử dụng cần lưu ý các thông số sau:

- Người dùng: Mỗi 1 người dùng sẽ được Người Quản trị cấp cho 1 tên đăng nhập để đăng nhập hệ thống, như vậy sẽ đảm bảo được tính bảo mật cho từng người sử dụng và lưu ý tên đăng nhập là duy nhất.
- Mật khẩu: mỗi một người sử dụng sẽ có mật khẩu riêng để đăng nhập hệ thống
- Nhóm: một người dùng phải thuộc một nhóm cụ thể và sẽ có các quyền hạn đã được cấp cho nhóm.
- Người dùng có thể in danh sách người dùng để có thể thông báo cho toàn bộ đơn vị nhằm thống nhất sự quản lý một cách khoa học.

1.3- Thay đổi mật khẩu:

Mỗi một người dùng có quyền tự thay đổi mật khẩu đăng nhập của mình nhằm bảo vệ quyền sử dụng của mình cũng như không cho người khác có thể sử dụng quyền đăng nhập của mình mà không được phép.

Vào 1.Hệ thống -> 3.Thay đổi mật khẩu, form thay đổi mật khẩu sẽ xuất hiện:



Đổi mật khẩu

Mật khẩu cũ: *****

Mật khẩu mới: *****

Xác nhận mật khẩu mới: *****


Lưu Thoát

Người dùng cần phải nhập mật khẩu cũ của mình; sau đó nhập mật khẩu mới và xác nhận lại mật khẩu. Click “Lưu” để chấp nhận thay đổi mật khẩu mới.

2- Quản trị hệ thống:

2.1- Thông tin hệ thống: Dùng để cập nhật thông tin Doanh nghiệp vào trong hệ thống này;

Lưu ý: mỗi lần có sự thay đổi về Tên DN, địa chỉ DN, số điện thoại, hình thức kế toán thì Người dùng sẽ khai báo vào thông tin này.



Thông tin hệ thống

Pháp nhân | Hình thức kế toán | Seri và mở khoá

Tên công ty: Công ty TNHH Đất Vàng

Địa chỉ: 243/2/32 Chu Văn An, P 12, Q. Bình Thạnh

Mã số thuế: 0302821997

Điện thoại: (08) 2244.0829 **Fax:** (08)2244.0831

Người đại diện:

Chức vụ:

Tên Eng:

Bộ:

Tổng công ty:

Lưu Thoát

2.2-Tự điển:

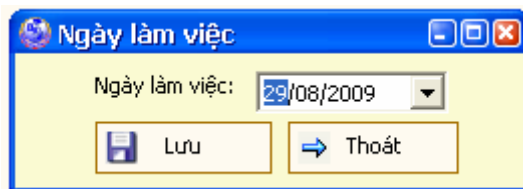
Hiện tại, hệ thống “BAS” hỗ trợ 3 ngôn ngữ chính thức là Việt – Anh – Hoa. Điều đặc biệt ở chỗ người dùng có quyền tự mình định nghĩa thuật ngữ phù hợp với yêu cầu của mình cũng như thói quen sử dụng trong công ty bằng cách sử dụng tự điển ngôn ngữ được cung cấp. Vào 1.Hệ thống -> 5. Tự điển:

| Tiếng Việt | Tiếng Anh | Chinese |
|--|-------------------------------|----------------|
| &1. Số liệu từ Bảng lưu chuyển tiền tệ trực tiếp | &1.From Direct Cash Flow List | &1-数料自留转钱币表 |
| &1.Bảng cân đối kế toán | &1.Balance Sheet | &1-会计平衡表 |
| &1.Báo cáo chi tiết phát sinh | &1.Reports in details | &1-发生细节报告 |
| &1.Báo cáo và sổ sách chi tiết | &1.Monthly detailed reports | &1-报告并账簿细节 |
| &1.Bút toán giá vốn | &1.Cost price Entry | &1-成价笔算 |
| &1.Cập nhật đơn giá | &1.Update Cost Price | &1-及日价单 |
| &1.Cập nhật phát sinh | &1.Raising | &1-及日价单 |
| &1.Chi tiết đối tượng công nợ | &1.R/P Objects | &1-债务对象细节 |
| &1.Chi tiết tài khoản | &1.Chart of Accounts | &1-帐目细节 |
| &1.Danh sách chi tiết vật tư - hàng hoá | &1.Items List | &1-物资 - 货物细节各册 |
| &1.Đối tượng công nợ | &1.R/P Objects | &1-债务对象 |
| &1.Giới thiệu | &1.Introduction | &1-介绍 |
| &1.Giúp đỡ | &1.Help | &1-帮助 |
| &1.Hạch toán nội bộ | &1.Internal Entry | &1-内部核算 |
| &1.Hệ thống | &1.System | &1-系统 |
| &1.Hoá đơn bán hàng | &1.Sales Invoice (Item) | &1-卖货单据 |
| &1.Hoá đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho | &1.Sales Invoices | &1-卖货单据兼出仓票单 |
| &1.Hoá đơn mua hàng | &1.Purchase Invoice (Item) | &1-买货单据 |
| &1.Hoá đơn mua hàng kèm phiếu nhập kho | &1.Purchasing Invoice | &1-买货单据兼入仓票单 |
| &1.Kế toán kho | &1.Inventory | &1-货仓会计 |

Mỗi một mục tiếng Việt sẽ tương ứng một mục tiếng Anh và một mục tiếng Hoa. Người dùng có thể thay đổi nội dung dịch hay thậm chí thay đổi cả ngôn ngữ được sử dụng. Xét về mặt kỹ thuật, do hệ thống hỗ trợ font Unicode, đồng thời do tính chất động của tự điển này, Người dùng có thể sử dụng bất kỳ ngôn ngữ nào bạn đang sử dụng.

2.3- Ngày làm việc:

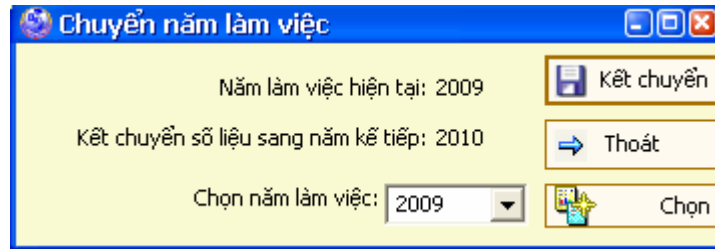
Mặc định, khi đăng nhập sử dụng chương trình, hệ thống sẽ lấy ngày tháng hiện tại và ngày tháng này sẽ được sử dụng mặc định trong tất cả các form nhập liệu của chương trình. Do vậy, đối với các công ty số liệu phát sinh không nhiều hay muốn kiểm tra lại số liệu phát sinh tháng trước đó, Người dùng có thể thay đổi ngày làm việc lần đầu khi đăng nhập hay trực tiếp thay đổi ngày làm việc trong hệ thống bằng cách vào 1.Hệ thống -> 6.Ngày làm việc:



Thay đổi ngày làm việc, chọn “Lưu” để chấp nhận ngày làm việc mới.

2.4-Chuyển năm làm việc:

Vào cuối mỗi năm làm việc, Người dùng cần kết chuyển số dư cuối kỳ của năm hiện tại sang năm mới. Tất cả số liệu cuối năm này sẽ chuyển thành số dư đầu kỳ năm mới bằng cách vào 1.Hệ thống - >6.Chuyển năm làm việc:



Chọn “Kết chuyển” để hệ thống tự động thực hiện quá trình kết chuyển. Sau khi đã thực hiện kết chuyển, Người dùng có thể chọn năm làm việc mới trong hộp combo, chọn “Chọn” để làm việc cho năm mới.

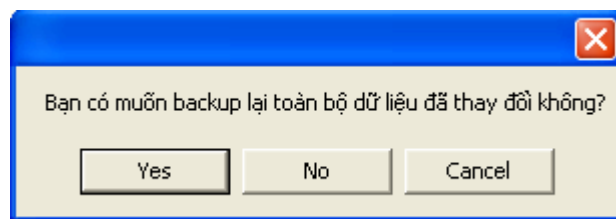
2.5-Kết thúc:

Khi người dùng đã thao tác xong trên phần mềm và kết thúc, thì phần mềm sẽ tự động hiện ra Mục Backup dữ liệu;

Đây là phần rất quan trọng, Người sử dụng nên Backup dữ liệu này lưu trữ vào trong đĩa CD, ổ cứng khác với ổ cứng dùng để cài đặt phần mềm, máy vi tính khác

Trong trường hợp máy vi tính của DN bị hư thì dữ liệu kế toán của DN sẽ được khôi phục lại từ Mục Backup này.

Việc Backup dữ liệu có thể thực hiện theo từng lần làm việc hoặc theo: ngày, tuần, tháng ...



3- Cập nhật số liệu:

3.1- Mục đích: là chức năng chính của chương trình, thực hiện tất cả các bút toán nhập xuất hằng ngày của chương trình, tất cả các hoá đơn chứng từ phát sinh. Các form nhập liệu được phân chia theo các module quản lý phù hợp. Tuy khác nhau về nghiệp vụ, song hầu hết các form nhập liệu đều có các thông tin chính sau:

- Số phiếu (được tăng tự động dựa vào số các chứng từ phát sinh)
- Ngày nhập liệu: ngày trực tiếp nhập liệu
- Số chứng từ: số chứng từ gốc trên chứng từ được nhập (số hoá đơn, số phiếu xuất nhập kho, số phiếu thu chi)
- Ngày chứng từ: ngày trên chứng từ gốc
- Hình thức thanh toán
- Đối tác: khách hàng, nhà cung cấp, các nhân viên hoạt động với tư cách là khách hàng,... được lập từ một danh mục có sẵn đã được khai báo

- Vụ việc: chi tiết các vụ việc đã được khai báo.
- Nội dung: nội dung chứng từ;

Các nội dung chi tiết:

- Diễn giải: tên mã hàng đã nhập, thông tin chi tiết diễn giải cần thiết
- Thành tiền: số tiền phát sinh đối với nội dung chi tiết vừa nhập.
- Tài khoản nợ: định khoản tài khoản nợ cho bút toán vừa nhập
- Tài khoản có: định khoản tài khoản có cho bút toán vừa nhập.
- Trừ mã LCTT, tất cả các nội dung nếu được lấy từ danh mục đã xây dựng sẵn (ví dụ: vật tư hàng hoá, kho hàng, tài khoản...) sẽ có một danh mục dropdown cho phép người dùng chọn mục phù hợp.

3.2- Cách thức nhập liệu chung:

Các form nhập liệu bao gồm các thông tin chứng từ mới phát sinh, các thông tin về các đối tượng khách hàng, nguyên vật liệu, kho hàng, vụ việc,... đã được xây dựng sẵn từ hệ thống danh mục ban đầu. Các thông tin được lấy từ danh mục phải chính xác, nếu nhập sai, hệ thống sẽ tự động thể hiện danh mục cần tìm cho phép người sử dụng nắm chính xác về thông tin đối tượng mình cần cập nhật.

Trên mỗi form nhập liệu luôn có các thao tác sau:

- Thêm: click vào nút “Mới” để thêm một chứng từ mới,
- Lưu: sau khi nhập các thông tin chứng từ, click vào nút “Lưu” để lưu toàn bộ thông tin nhập liệu
- Xoá: nếu chứng từ sai, click vào nút “Xoá” để xoá chứng từ,
- Thoát: thoát ra khỏi form nhập liệu,
- In: cho phép in ra các chứng từ như: Phiếu thu, phiếu chi, hoá đơn, phiếu xuất nhập kho,...

3.3-Hệ thống tài khoản: cung cấp một hệ thống tài khoản chuẩn của doanh nghiệp được thiết kế theo bảng mẫu của hệ thống kế toán tài chính; tùy theo yêu cầu cụ thể của mình, đơn vị sẽ thay đổi theo yêu cầu của mình.

| Loại tài khoản | | Chi tiết tài khoản | | | | | |
|--|--|--------------------|--------|-------------------------------|-----|------|-------------------------------------|
| | | Số hiệu | Chín | Tên tài khoản | Cấp | Kiểu | Có TK C |
| 1. Tài sản lưu động | | | | | | | |
| 2. Tài sản cố định | | ▶ 211 | 有形固定财 | TSCĐ hữu hình | 1 | N | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 3. Nợ phải trả | | 2111 | 房屋, 建筑 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 2 | N | <input type="checkbox"/> |
| 4. Nguồn vốn chủ sở hữu | | 2112 | 机器, 设备 | Máy móc, thiết bị | 2 | N | <input type="checkbox"/> |
| 5. Doanh thu | | 2113 | 运输工具, | Phương tiện vận tải, chuyên d | 2 | N | <input type="checkbox"/> |
| 6. Chi phí sản xuất, kinh doanh | | 2114 | 设备, 管理 | Thiết bị dụng cụ quản lý | 2 | N | <input type="checkbox"/> |
| 7. Thu nhập hoạt động khác | | 2115 | 多年树林, | Cây lâu năm, súc vật làm việc | 2 | N | <input type="checkbox"/> |
| 8. Chi phí hoạt động khác | | 2118 | 其他固定财 | Tài sản cố định khác | 2 | N | <input type="checkbox"/> |
| 9. Xác định kết quả kinh doanh | | 212 | 财政租赁固 | TSCĐ thuê tài chính | 1 | N | <input type="checkbox"/> |
| Tài khoản ngoài bảng | | 213 | 无形固定财 | TSCĐ vô hình | 1 | N | <input checked="" type="checkbox"/> |
| | | 2131 | 使用权 | Quyền sử dụng đất | 2 | N | <input type="checkbox"/> |
| | | 2132 | 发行权 | Quyền phát hành | 2 | N | <input type="checkbox"/> |
| | | 2133 | 版权, 专利 | Bản quyền, bằng sáng chế | 2 | N | <input type="checkbox"/> |
| | | 2134 | 货物标志 | Nhãn hiệu hàng hoá | 2 | N | <input type="checkbox"/> |
| | | 2135 | 电脑软件 | Phần mềm máy tính | 2 | N | <input checked="" type="checkbox"/> |
| | | 21351 | | Phần Mềm BAS | 3 | N | <input type="checkbox"/> |
| | | 21352 | | Phần mềm IMS | 3 | N | <input type="checkbox"/> |
| | | 2136 | 许可证并让 | Giấy phép và giấy phép nhượn | 2 | N | <input type="checkbox"/> |
| | | 2138 | 其他无形固 | TSCĐ vô hình khác | 2 | N | <input type="checkbox"/> |
| | | 214 | 固定财产之 | Hao mòn TSCĐ | 1 | C | <input checked="" type="checkbox"/> |
| | | 2141 | 有形固定财 | Hao mòn TSCĐ hữu hình | 2 | C | <input type="checkbox"/> |

Nội dung: Các thông tin cần lưu ý khi thay đổi:

- ❖ Số hiệu tài khoản,
- ❖ Tên tài khoản,
- ❖ Cấp tài khoản (1,2,3,...)
- ❖ Là tài khoản Nợ (N) hay tài khoản Có (C)
- ❖ Có tài khoản con hay không (các tài khoản có tài khoản con sẽ không thể được định khoản trực tiếp khi nhập liệu);
- ❖ TK Công nợ: tài khoản này có phải là tài khoản công nợ hay không,
- ❖ TK Kho: tài khoản này có phải là tài khoản kho hay không;

Việc tìm kiếm các tài khoản tương tự như tìm kiếm chi tiết vật tư hay đối tượng công nợ.

3.4- Số dư tài khoản đầu kỳ:

- Ngoại trừ tài khoản vật tư, hàng hoá hay đối tượng công nợ cần được quản lý theo từng mục; các tài khoản còn lại chỉ cần quản lý theo giá trị tồn đầu kỳ. Do vậy, sau khi đã thiết lập số liệu đầu kỳ cho vật tư, hàng hoá và đối tượng công nợ; ta sẽ nhập số dư đầu kỳ cho tất cả các tài khoản còn lại trên Bảng cân đối phát sinh;

Số dư tài khoản đầu kỳ-SDTK

Nội dung chi tiết

Loại tiền: VND | Việt Nam đồng | Tỷ giá: 1

Vụ việc: GVKD | Góp vốn kinh doanh

| Tk Nợ | TK Có | Phát sinh(NT) | Phát sinh |
|--------|-------|---------------|-------------|
| ▶ 1111 | | | 100,000,000 |
| 1121 | | | 150,000,000 |
| | 4111 | | 250,000,000 |
| * | | | |

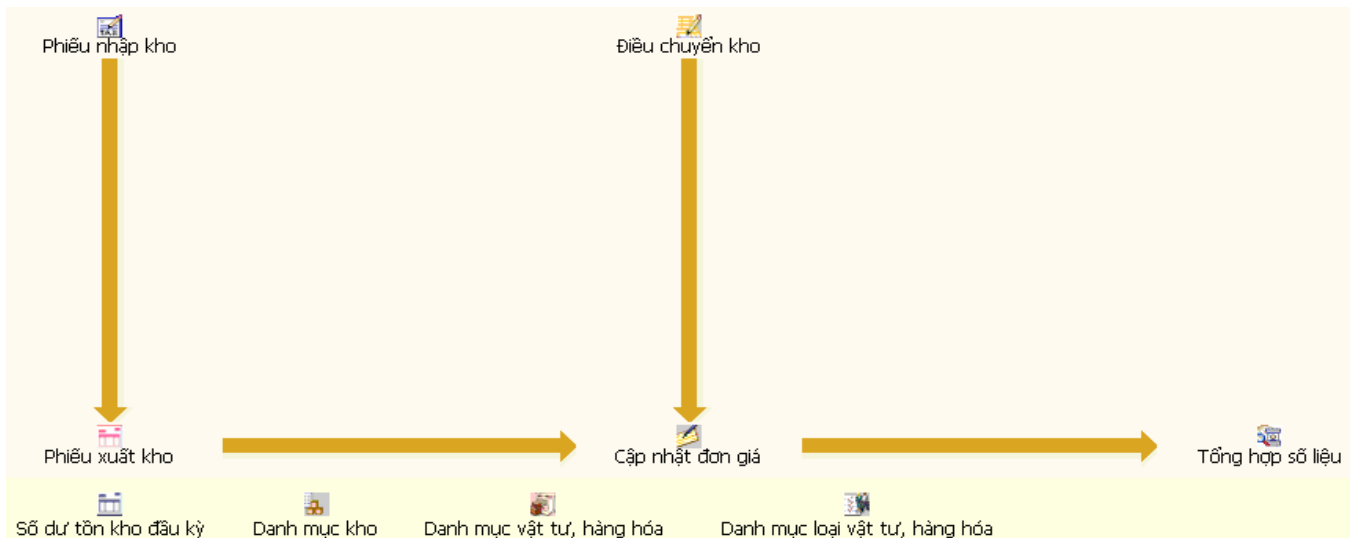
Chi dẫn | Cộng: 500,000,000

Lưu | Xóa | Thoát

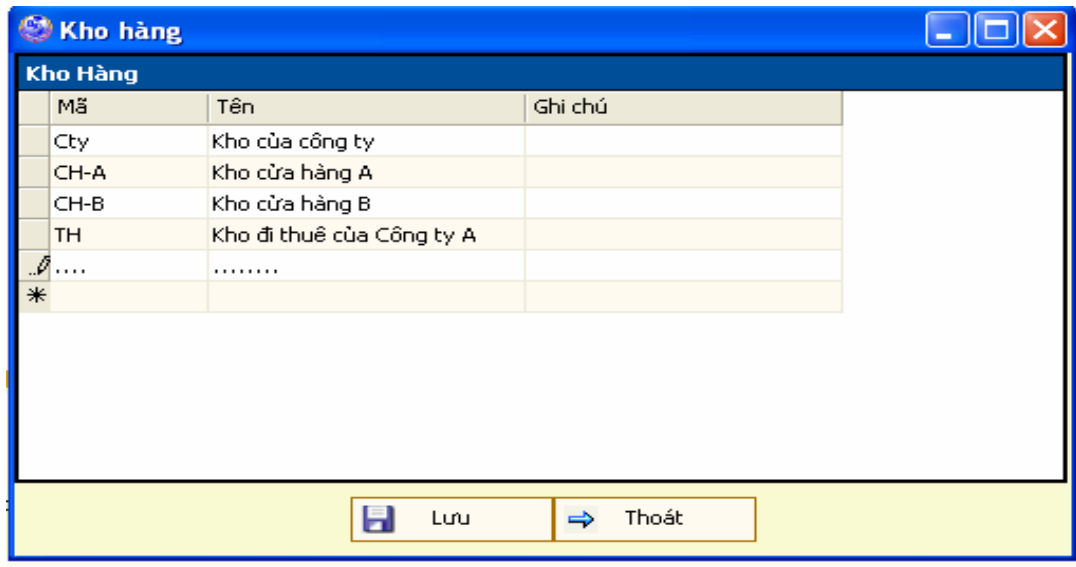
- Yêu cầu: Người dùng cần có Bảng cân đối số phát sinh đầu kỳ
 - ❖ Các tài khoản được nhập là tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối phát sinh trừ các tài khoản vật tư, hàng hoá và các tài khoản công nợ đã được nhập trước đó
 - ❖ Sau khi đã nhập tất cả số liệu đầu kỳ, Người dùng chỉ cần tổng hợp số liệu báo cáo tháng. Số liệu đúng sẽ đảm bảo các yêu cầu sau:
 - Tổng Phát sinh Nợ = Tổng Phát sinh Có
 - Trên Bảng cân đối kế toán; Tài sản = Nguồn Vốn

3.5- Các module quản lý chính:

3.5.1 –Kế toán kho: quản lý xuất nhập kho hàng hoá, thành phẩm, vật tư, công cụ, dụng cụ,... Chọn chức năng “Tồn kho” ở menu bên trái:



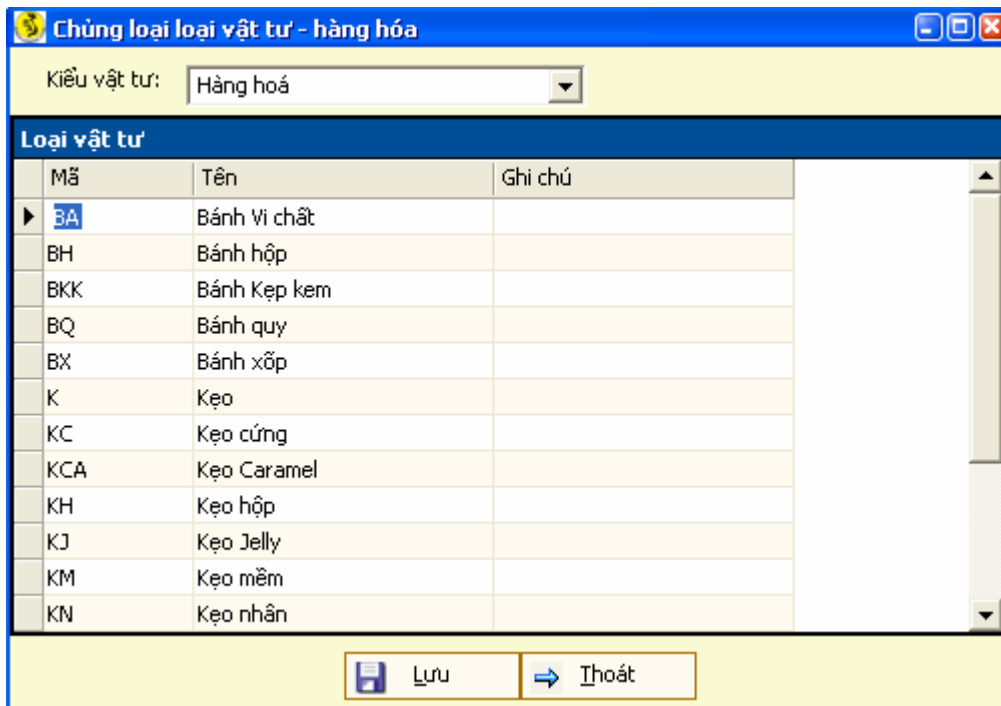
a. Danh mục kho: Người dùng thiết lập danh sách các kho sử dụng trong DN của mình



Người dùng chỉ cần nhập danh sách các kho hàng sử dụng trong đơn vị, click “Lưu” để lưu lại nội dung vào cơ sở dữ liệu.

b. Danh mục loại vật tư, hàng hoá:

Chủng loại vật tư: hệ thống chủng loại vật tư được phân loại với mục đích quản lý. Tất cả các vật tư, hàng hoá, nguyên vật liệu trong đơn vị sẽ phân theo từng loại nhất định đảm bảo tính thống nhất quản lý của hệ thống. Mỗi chủng loại vật tư sẽ thuộc một kiểu vật tư nhất định đã được khai báo trên.

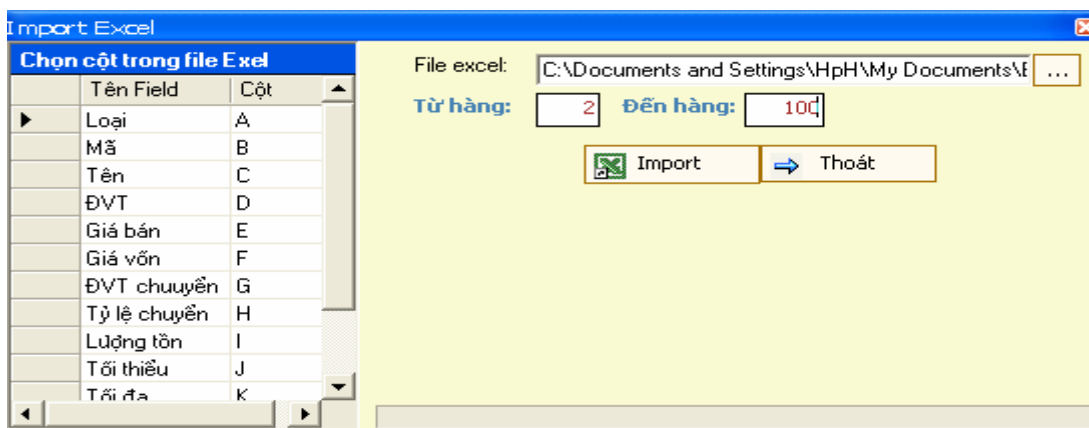


c. Danh mục chi tiết vật tư - hàng hoá – thành phẩm.

| Danh sách chi tiết vật tư - hàng hóa | | | | | | | |
|---|--------|-------------------------|-------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Chi tiết vật tư - hàng hoá - thành phẩm | | | | | | | |
| Loại | Mã | Tên | ĐVT | Giá bán | Giá vốn | Lượng tồn | Tối thiểu |
| V | 01 | Van buom | Chiec | | | | |
| V | Asadsf | Asfd | Thùng | 23,432 | 23,432 | | |
| V | Asss | Asfd | Thùng | | 16,477.33 | | |
| V | BA150 | Bánh Bisavit-A 150g | Thùng | 88,735.21 | 17,672.07 | | 2 |
| V | BH101 | Bánh hộp Ambrosia | Thùng | 125,000 | 175,000 | | 2 |
| V | BH102 | Bánh hộp Brilliant | Thùng | 266,616.9 | 266,429.0 | | 2 |
| V | BH103 | Bánh hộp Empress | Thùng | 226,226.4 | 228,898.1 | | 2 |
| V | BH105 | Bánh hộp Happy new year | Thùng | 133,981.9 | 186,707.5 | | 2 |
| V | BH106 | Bánh hộp Layon | Thùng | 247,002.3 | 246,262.4 | | 2 |
| V | BH107 | Bánh hộp Marie gold | Thùng | 88,986.07 | 90,178.2 | | 2 |
| V | BH108 | Bánh hộp Might | Thùng | 136,161.0 | 155,317.2 | | 2 |
| V | BH109 | Bánh hộp Music | Thùng | 150,353.2 | 200,688.5 | | 2 |
| V | BH110 | Bánh hộp Pansy | Thùng | 122,018.1 | 122,018.1 | | 2 |
| V | BH111 | Bánh hộp Sonata | Thùng | 90,165.24 | | | 2 |
| V | BH112 | Bánh hộp Sultana | Thùng | 216,667.0 | 246,747.6 | | 2 |
| V | BH113 | Bánh hộp Sunflower | Thùng | | | | 2 |
| V | BH114 | Bánh hộp Sunlight | Thùng | | | | 2 |
| V | BH115 | Bánh hộp Sweetheart | Thùng | | | | 2 |
| V | BH116 | Bánh hộp Time | Thùng | 118,814.9 | 121,432.5 | | 2 |
| V | BH117 | Bánh kẹo hộp Marvellous | Thùng | | | | 2 |

Đây là danh sách các vật tư - hàng hoá – thành phẩm được nhập vào trước đó bao gồm:

- Loại: mỗi một vật tư, hàng hoá có thể thuộc 1 chủng loại được khai báo ở trên.
- Mã vật tư: mỗi một vật tư, hàng hoá bắt buộc phải có 1 mã số để quản lý và mã số này là duy nhất.
- Tên vật tư
- Đơn vị tính
- Số lượng tồn tối đa, tối thiểu
- Người dùng có thể thực hiện import dữ liệu từ file Excel, từ file XML đồng thời ngược lại cũng có thể xuất dữ liệu ra file Excel hay file XML tùy theo yêu cầu của mình. Tính năng này rất thích hợp cho việc chuyển đổi và gửi dữ liệu giữa các đơn vị thành viên, công ty mẹ, công ty con...
- Import danh mục vật tư từ file Excel: hệ thống cho phép Người dùng import danh mục vật tư, hàng hoá từ file Excel ban đầu của bạn bằng cách click phải chuột và chọn "...Nạp từ Excel":



Người sử dụng sẽ lưu ý các nội dung sau:

- File Excel: click vào nút nhỏ bên phải để chọn file Excel chứa danh mục vật tư, hàng hoá
- Từ hàng: Người dùng import danh mục bắt đầu từ hàng nào
- Đến hàng: Người dùng import danh mục đến hàng nào
- Bảng “Chọn cột trong file Excel”: Người dùng sẽ chọn các trường tương ứng với nội dung của danh mục bạn hiện có. Nếu trường đó danh mục của bạn không có nội dung bạn chỉ việc bỏ kí tự ở cột bên tương ứng.
- Sau khi đã thực hiện các lựa chọn phù hợp, Người dùng click vào “Import”, hệ thống sẽ tự động import các nội dung vào bảng “Chi tiết vật tư – hàng hoá – thành phẩm”.

Tìm kiếm vật tư: Click chuột phải chỗ lưới dữ liệu chọn “Tìm kiếm” hệ thống sẽ cho phép tìm kiếm tất cả các vật tư đang thể hiện trên lưới:



Chọn cột cần tìm, nhập nội dung cần tìm, hệ thống sẽ tự động tìm các nội dung tương ứng. Khi đã tìm thấy tất cả nội dung cần tìm, hệ thống sẽ cho phép tìm kiếm lại từ đầu nếu cần thiết, đồng thời thể hiện số lượng nội dung tương ứng tìm thấy.

d. Số dư tồn kho đầu kỳ

- Số dư vật tư, hàng hoá đầu kỳ: bên cạnh việc quản lý số tiền; đối với hàng hoá bạn cần phải quản lý cả số lượng tồn kho. Do vậy, Người dùng cần nhập thông tin của số lượng, đơn giá cũng như giá trị thành tiền đầu kỳ của vật tư, hàng hoá...:
 - Yêu cầu: Người dùng cần có Bảng Tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn đầu kỳ.
 - Chọn chức năng “Tồn kho” ở menu bên trái, sau đó chọn phiếu “Số dư vật tư, hàng hoá đầu kỳ”

Sổ dư vật tư hàng hóa đầu kỳ

Nội dung chi tiết

Loại tiền: VND | Việt Nam đồng | Tỷ giá: 1

Vụ việc:

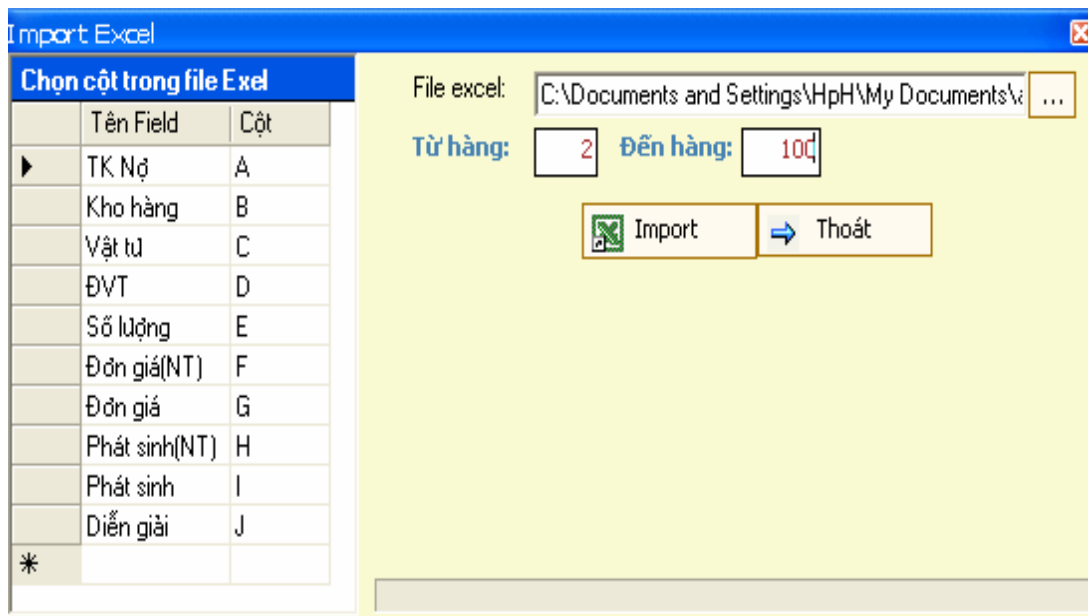
| TK Nợ | Kho hàng | Vật tư | ĐVT | Số lượng | Đơn giá(NT) | Đơn giá | Phát sinh(NT) | Phát sinh | Diễn giải |
|--------|----------|--------|-------|----------|-------------|---------|---------------|-----------|-----------|
| ▶ 1561 | KCT | BH101 | cái | 10 | | 12,500 | | 125,000 | |
| 1561 | KCT | BH103 | cái | 11 | | 12,600 | | 138,600 | |
| 1561 | KCT | BH105 | Thùng | 12 | | 12,700 | | 152,400 | |
| 1561 | KCT | BH106 | cái | 13 | | 12,800 | | 166,400 | |
| 1561 | KCT | BH108 | Thùng | 14 | | 13,000 | | 182,000 | |
| * | | | | | | | | | |

Chi dẫn:

Cộng: 764,400

Lưu Xóa Thoát

- Khi thực hiện chứng từ này, thông thường TK Nợ sẽ là 152 (nếu là nguyên nhiên liệu); 154 (nếu là sản phẩm dở dang), 155 (nếu là thành phẩm) hay 156 (nếu hàng hoá).
- Các nội dung còn lại sẽ là chi tiết sổ dư đầu kỳ của vật tư – hàng hoá.
- Chỉ cần một chứng từ duy nhất, bạn có thể lập sổ dư vật tư, hàng hoá đầu kỳ cho toàn bộ các kho hàng, toàn bộ tồn kho. Tuy nhiên, thông thường ta sẽ nhập mỗi loại hình (Vật tư, hàng hoá, thành phẩm,..) ứng với mỗi kho hàng vào 1 chứng từ; điều này giúp ta dễ quản lý và theo dõi chứng từ nhập.
- Người dùng có thể import sổ dư đầu kỳ của vật tư – hàng hoá từ file Excel ban đầu bằng cách click chuột phải và chọn “...Nạp từ Excel”



- Người sử dụng sẽ lưu ý các nội dung sau:

- Chọn file chứa nội dung số dư đầu kỳ của vật tư – hàng hoá
- Chọn Từ hàng - Đến hàng
- Trong bảng “Chọn cột từ file Excel”, bạn sẽ cần chọn lựa cột trong file Excel tương ứng với trường dữ liệu. Bạn có thể liên hệ với chúng tôi để được tư vấn.
- Click vào “Import”, hệ thống sẽ import tất cả số liệu phù hợp vào nội dung chứng từ đầu kỳ.
- Người dùng có thể thực hiện các chỉnh sửa cần thiết; và cuối cùng click “Lưu” để chấp nhận toàn bộ nội dung đã cập nhật.

e. Phiếu nhập kho:

Khi mua nguyên vật liệu, hàng hóa .. nhập kho, Người sử dụng có thể lựa chọn:

Phiếu nhập kho hoặc Hóa đơn mua hàng để nhập kho nguyên vật liệu, hàng hóa ..

Phiếu nhập kho-PNK0

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 0

Thông tin chứng từ **Thông tin người giao hàng**

Ngày: 08/07/2005 Mã: CNDN Tên: Chi nhánh Cty bánh kẹo Đà Nẵng
Số: 12432 Địa chỉ: MST: xxxxxxxxxxxx

Nội dung chứng từ

Vụ việc:
Diễn giải:
Chứng từ gốc: Ngày CT: 08/07/2005

| TK Nợ | TK Có | Kho nhập | Vật tư | ĐVT | Số lượng | Đơn giá(NT) | Đơn giá | Phát sinh(NT) | Phát sinh | Diễn giải |
|-----------|-------|----------|--------|-------|----------|-------------|---------|---------------|-----------|-----------|
| ▶ 1561 | 1111 | NVL | BA150 | Thùng | 12 | | 123,400 | | 1,480,800 | |
| * * * * * | | | | | | | | | | |

Chi dẫn: Cộng: 1,480,800

Mới Lưu Xóa Thoát

Phiếu nhập kho thường được dùng trong các nghiệp vụ sau:

- Nhập kho thành phẩm từ sản xuất
- Tái nhập kho vật tư, nhiên liệu,... từ sản xuất
- Nhập kho vật tư, hàng hoá từ các đơn vị thành viên.
- Thông tin người giao hàng: nhập thông tin về người giao hàng, các thông tin này bao gồm
 - Mã: nếu người giao hàng này cần thiết theo dõi công nợ hay nguồn nhập hàng; ta thường cần phải đưa thông tin này vào danh mục đối tượng công nợ (Nhà cung cấp)
 - Tên, địa chỉ, mã số thuế: các thông tin chi tiết về người giao hàng.
 - Với bút toán này, tài khoản Nợ luôn là các tài khoản kho (152,153,154,155,156), các tài khoản Có thường là 621,627, 331...

*-Cách sử dụng:

- Đầu tiên là Click vào “Mới” thì phiếu Nhập kho sẽ hiện ra: Thông tin chứng từ, Thông tin người giao hàng, nội dung của chứng từ ... Người sử dụng điền đầy đủ thông tin vào đó;
- Sau đó Nhấn vào “Lưu” để lưu lại thông tin mới vừa nhập;
- Nhập tiếp phiếu thứ hai thì Click vào “Mới” ...và thao tác giống như trên;

Hóa đơn mua hàng-HDMH

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 1

Thông tin chứng từ **Thông tin nhà cung cấp**

Ngày: 26/06/2008 Mã: Xn ng Tên: XN In Nguyễn Minh Hoàng
Số: HDMH-01 Địa chỉ: 100 Lê Đại hành, Phường 7, Quận 11, Tp. HCM MST: 0301469532-1

Nội dung chứng từ

Vụ việc:
Diễn giải: Nhập kho Nguyệt san SaiGon LifeStyles 6
Hoá đơn nhập: Hóa đơn: 0071720 Ngày HD: 26/06/2008

Font
 Lập bảng kê thuế Chịu thuế và không chịu thuế Chịu thuế Không chịu thuế

| TK Nợ | TK Có | Kho nhập | Vật tư | ĐVT | Số lượng | Đơn giá(NT) | Đơn giá | VAT | Phát sinh(NT) | Phát sinh | LCTT | Diễn giải |
|--------|-------|----------|--------|-------|----------|-------------|---------|-----|---------------|------------|------|--------------------------------|
| ▶ 1561 | 3315 | Cty | SG6 | Quyển | 1,500 | | 26,800 | | | 40,200,000 | | Nhập kho Nguyệt san SaiGon L |
| 1331 | 3315 | | | | | | | 5 | | 2,010,000 | | Thuế GTGT được khấu trừ của |
| 1561 | 1422 | Cty | SG6 | Quyển | | | | | | 3,636,364 | | Phân bổ chi phí quản lý Nguyệt |
| * | | | | | | | | | | | | |

Chi dẫn: **Cộng:** 45,846,364

Phân bổ các chi phí Xem bảng kê thuế Mới Lưu Xóa Thoát

f. Phiếu xuất kho:

Khi xuất nguyên vật liệu, hàng hóa .. , Người sử dụng có thể lựa chọn:

Phiếu xuất kho hoặc Hóa đơn bán hàng để xuất kho nguyên vật liệu, hàng hóa ..

Phiếu xuất kho thường được dùng trong các nghiệp vụ sau:

- Xuất kho vật tư, công cụ, dụng cụ đưa vào sản xuất
- Tái xuất kho thành phẩm đưa vào lại sản xuất biến thành nguyên liệu đầu vào cho sản xuất
- Xuất kho hàng hoá, vật tư, thành phẩm cho các đơn vị thành viên.

Thông tin người nhận hàng: nhập thông tin về người nhận hàng, các thông tin này bao gồm:

- Mã: nếu người nhận hàng này cần thiết theo dõi công nợ hay nguồn nhập hàng; ta thường cần phải đưa thông tin này vào danh mục đối tượng công nợ (Khách hàng)
- Tên, địa chỉ, mã số thuế: các thông tin chi tiết về người nhận hàng
- Với bút toán này, tài khoản Nợ thường là (621,632...), các tài khoản Có luôn là các tài khoản kho (152,153,154,155,156),

Về mặt giá trị, bút toán xuất kho thường không có đơn giá của vật tư, hàng hoá được xuất mà đơn giá và số tiền phát sinh sẽ dựa trên giá vốn hàng hoá, vật tư vào cuối kỳ. Tùy thuộc vào phương pháp tính giá vốn khác nhau, hệ thống sẽ tự động cập nhật đơn giá và phát sinh cho bút toán xuất kho.

Phiếu xuất kho-PXKO

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 0

Thông tin chứng từ Ngày: 03/05/2005 Mã: MBL Tên: DNTN Thành Đức
Số: PXK-1 Địa chỉ: số 1/4 Hồ Tùng Mậu- Khu 2A-P1-Bảo Lộc - Lâm Đồng MST:

Thông tin người nhận hàng

Nội dung chứng từ
Vụ việc:
Diễn giải: Giá vốn hàng bán
Chứng từ gốc: Ngày CT: 03/05/2005

| TK Nợ | TK Có | Kho xuất | Vật tư | ĐVT | Số lượng | Đơn giá(NT) | Đơn giá | Phát sinh(NT) | Phát sinh | Diễn giải |
|-------|-------|----------|--------|-------|----------|-------------|---------|---------------|-----------|-----------|
| 632 | 1561 | NVL | KX401 | Thùng | 10 | | 139,448 | | 1,394,480 | Giá vốn |
| 632 | 1561 | NVL | KX402 | Thùng | 10 | | 139,448 | | 1,394,480 | Giá vốn |
| 632 | 1561 | NVL | KJ020 | Thùng | 20 | | 113,605 | | 2,272,104 | Giá vốn |
| 632 | 1561 | NVL | BK475 | Thùng | 10 | | 182,162 | | 1,821,625 | Giá vốn |
| 632 | 1561 | NVL | BK001 | Thùng | 10 | | 93,920 | | 939,204 | Giá vốn |

Chi dẫn: Cộng: 9,750,868

Mới Lưu Xóa Thoát

*-Cách sử dụng:

Sử dụng giống như “Phiếu nhập kho”

Khách hàng

Hóa đơn bán hàng-HDBH

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 1

Thông tin chứng từ Ngày: 03/04/2008 Mã: Phs Tên: Công ty Cổ Phần Phát Hành sách Tp. HCM
Số: HDBH-01 Địa chỉ: 60-62 Lê Lợi - Quận 1- Tp. HCM MST: 0304132047

Thông tin khách hàng

Nội dung chứng từ
Vụ việc: Hình thức thanh toán:
Diễn giải: Bán Nguyệt san Saigon LifeStyles 3 Thời hạn thanh toán: 0
Hoá đơn xuất-Seri: BA/2008M Số: 0152201 Ngày HD: 03/04/2008
 Lập bảng kê thuế Font Chịu thuế và không chịu thuế Chịu thuế Không chịu thuế

| TK Nợ | TK Có | Kho xuất | Vật tư | ĐVT | Số lượng | Đơn giá(NT) | Đơn giá | VAT | Phát sinh(NT) | Phát sinh | LCTT | Diễn giải |
|-------|-------|----------|--------|-------|----------|-------------|---------|-----|---------------|-----------|------|-----------------------|
| 1314 | 51111 | Cty | SG3 | Quyển | 20 | | 20,000 | | | 400,000 | | Bán Nguyệt san Saigon |

Chi dẫn: Cộng: 400,000

Hủy hoá đơn Xem bảng kê thuế Mới Lưu Xóa Thoát

g. Phiếu chuyển kho nội bộ:

Chuyển kho nội bộ-CKNB

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 1

Thông tin chứng từ **Thông tin người giao hàng**

Ngày: 03/05/2005 Mã: CNDN Tên: Chi nhánh Cty bánh kẹo Đà Nẵng
Số: Asd Địa chỉ: MST: XXXXXXXXXXXXX

Nội dung chứng từ

Vụ việc: Diễn giải: Chứng từ gốc: Ngày CT: 03/05/2005

| TK Nợ | TK Có | Kho xuất | Vật tư | ĐVT | Số lượng | Đơn giá(NT) | Đơn giá | Phát sinh(NT) | Phát sinh | Diễn giải |
|-------|-------|----------|--------|-------|----------|-------------|---------|---------------|-----------|-----------|
| | 1561 | KCT | BH1I3 | Thùng | 10 | | 12,500 | | 125,000 | |
| | 1561 | KCT | Asss | D | 10 | | 13,000 | | 130,000 | |
| 157 | | KHH | BH1I3 | Thùng | 10 | | 12,500 | | 125,000 | |
| 157 | | KHH | Asss | D | 10 | | 13,000 | | 130,000 | |
| * | | | | | | | | | | |

Chi dẫn: Cộng: 510,000

Chuyển đến kho Mới Lưu Xóa Thoát

- Phiếu chuyển kho nội bộ thực hiện chuyển hàng hoá, vật tư trong nội bộ của DN. Sau khi nhập tài khoản và tên kho xuất, Người dùng click vào “Chuyển đến kho” và thực hiện nhập thông tin về Kho nhập, tài khoản kho nhập:

Chuyển đến kho

Kho nhập: KHH KHH
Tài khoản kho: 157 Hàng gửi bán

Chấp nhận Hủy bỏ

h. Cập nhật đơn giá:

Cập nhật đơn giá

Tháng: 4

Tính giá vốn Cập nhật giá vốn hàng bán Thoát

Giá vốn vật tư - hàng hoá - thành phẩm

| Chủng loại | Mã | Tên vật tư - thành phẩm | Giá vốn |
|------------|--------|-------------------------|------------|
| BA | Asadsf | Asfd | 23,432 |
| BA | Asss | Asfd | 16,477.33 |
| BA | BH1i3 | Bánh hộp Ambrosiaasd | 1,303.8 |
| BA | BV | Bánh Cracker vùng | 95,517.32 |
| BH | BA150 | Bánh Bisavit-A 150g | 20,988.38 |
| BH | BH101 | Bánh hộp Ambrosia | 107,575.76 |
| BH | BH103 | Bánh hộp Empress | 126,530.35 |
| BH | BH105 | Bánh hộp Happy new year | 113,192.42 |
| BH | BH106 | Bánh hộp Layon | 124,190.65 |
| BH | BH108 | Bánh hộp Might | 50,451.89 |
| BH | BH109 | Bánh hộp Music | 200,688.5 |
| BH | BH110 | Bánh hộp Pansy | 122,018.15 |
| BH | BH111 | Bánh hộp Sonata | |
| BH | BH112 | Bánh hộp Sultana | 246,747.67 |
| BH | BH113 | Bánh hộp Sunflower | |

* Nghiệp vụ này nhằm thực hiện tính giá vốn bình quân gia quyền cho các mặt hàng được xuất bán, nguyên nhiên vật liệu xuất cho sản xuất,... Chỉ cần chọn tháng cần tính đơn giá, click “Tính giá vốn”, hệ thống sẽ tính đơn giá vốn cho tất cả các mặt hàng xuất trong tháng.

* Sau đó, click “Cập nhật giá vốn tự động” hệ thống tự động cập nhật vào hệ thống kế toán giá vốn cho toàn bộ các mặt hàng được xuất trong tháng.

* Đối với chức năng này, người quản trị có thể tự quy định các nội dung cập nhật thông qua chức năng Quản lý Cập nhật đơn giá sau: 2.Danh mục -> 6. Quản lý chung -> 1.Bút toán giá vốn:

Quản lý các bút toán giá vốn

Bút toán giá vốn

| | TK Nợ | TK Có |
|---|-------|-------|
| | 621 | 152 |
| | 632 | 156 |
| * | | |

Lưu Thoát

* Các nội dung cần lưu ý sau:

TK Nợ: tài khoản nợ của nghiệp vụ cập nhật giá vốn; TK Có: tài khoản có của nghiệp vụ cập nhật giá vốn;

Ví dụ: TK Nợ : 632; TK Có: 156: giá vốn hàng hóa khi xuất bán; TK Nợ: 621, TK Có: 152: giá vốn vật tư khi xuất kho đưa vào sản xuất,...

Vào cuối mỗi ngày hoặc mỗi tháng (quý ...) Người dùng kiểm tra được số liệu Nhập-Xuất-Tồn kho nguyên vật liệu, hàng hóa ... và số dư tại mọi thời điểm

Tồn kho

Hệ thống sổ sách chi tiết

Tiêu đề: Số tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn (Tiền)

Điều kiện lọc

Từ ngày: 01/06/2008 Đến ngày: 30/06/2008

Nợ Có Nợ + Có

Tài khoản: [] []

Tài khoản đứng: [] []

Chủng loại: [] []

Mã hàng [] []

Kho hàng [] []

Loại vụ việc: [] []

Vụ việc [] []

Loại đối tác: [] []

Đối tác: [] []

NV Kdoanh: [] []

Khu vực: [] []

Loại tiền: [] []

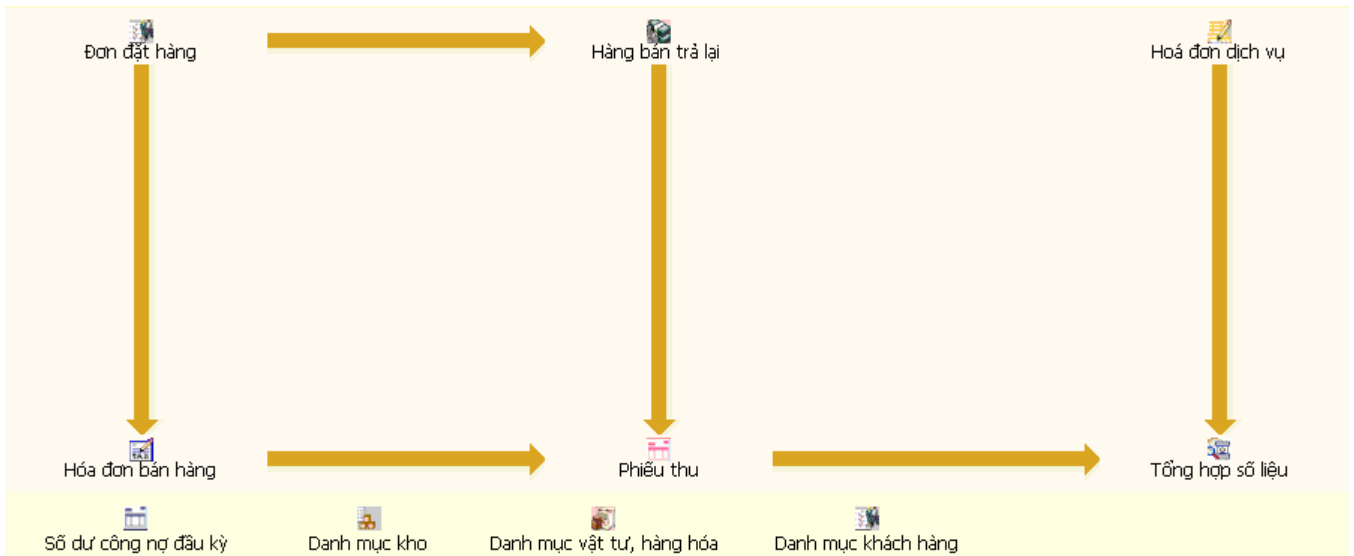
Tiếng Việt Tiếng Anh Tiếng Hoa

Lập ngày: 30/06/2008

Xem lại Xem Thoát

3.5.2- Kế toán bán hàng: quản lý việc bán hàng hoá, dịch vụ phát sinh có hoá đơn thuế GTGT đi kèm,...

Chọn mục “Khách hàng ” ở menu bên trái:



a. Danh mục khách hàng

Lập danh sách các khách hàng cần theo dõi công nợ và doanh số bán:

Danh sách chi tiết đối tượng công nợ

Kiểu đối tượng:

| Mã khu vực | Loại | Theo dõi CNH | Mã | Tên đối tượng công nợ | MST | Địa chỉ |
|------------|------|-------------------------------------|----------|----------------------------|--------------|-----------------------|
| | | <input checked="" type="checkbox"/> | Asdf | Asd | Sdf | Asfda |
| | CN | <input checked="" type="checkbox"/> | A | Asds | | |
| 22 | CN | <input checked="" type="checkbox"/> | CNDN | Chi nhánh Cty bánh kẹo Đà | xxxxxxxxxxxx | |
| 03 | CTY | <input checked="" type="checkbox"/> | Ds | Sad | | |
| 20 | CTY | <input checked="" type="checkbox"/> | HH | Công ty Cổ phần bánh kẹo H | 0101444379 | 25 Trương Định Hà N |
| 02 | CTY | <input checked="" type="checkbox"/> | Sakjglsd | Aldskdsl | Fdsdf | Asfdalks |
| 10 | DL | <input checked="" type="checkbox"/> | Abc | Aslfdkjlkds | | Asd |
| 02 | DL | <input checked="" type="checkbox"/> | AHBH | Phạm Thị Mai | 3600676959 | 287/3 KP4 - P Tân Biê |
| 11 | DL | <input checked="" type="checkbox"/> | AHBT | Hồ Văn Phát | 1300138032 | Phường 2 - Thị xã Bé |
| 27 | DL | <input checked="" type="checkbox"/> | AHDL | Anh Hương - Đà Lạt | xxxxxxxxxxxx | 22 Bis Hùng Vương - |
| 12 | DL | <input checked="" type="checkbox"/> | AHTN | Anh Nguyễn Văn Hoàng | 3900187412 | D 74/6 KP 1-T.T Hoà |
| 02 | DL | <input checked="" type="checkbox"/> | ALBH | Phạm Thị Thanh (Anh Lập B | xxxxxxxxxxxx | Hố Nai - Đồng Nai |
| 01 | DL | <input checked="" type="checkbox"/> | AN | Anh Nam | xxxxxxxxxxxx | TP Hồ Chí Minh |
| 01 | DL | <input checked="" type="checkbox"/> | APTĐ | DNTN TM Dịch vụ Nguyễn P | 0302588677 | 500/65 Phạm Văn Ha |
| 05 | DL | <input checked="" type="checkbox"/> | ASD | Anh An - Sa Đéc | | Sa Đéc - Đồng Tháp |
| 02 | DL | <input checked="" type="checkbox"/> | ATBH | Anh Thiện | xxxxxxxxxxxx | Hố Nai - Đồng Nai |
| 17 | DL | <input checked="" type="checkbox"/> | ATLĐ | Chị Tính | xxxxxxxxxxxx | Phước cát 1 Các Tiê |
| 02 | DL | <input checked="" type="checkbox"/> | ATRBH | Anh Trường | xxxxxxxxxxxx | Hố Nai_ Biên Hoà - Đ |

Đối chiếu công nợ In Tìm kiếm Chọn Lưu Thoát

Các thông tin cần lưu ý:

- Mã đối tượng
- Tên đối tượng
- Mã số thuế
- Người đại diện
- Chức vụ người đại diện
- Điện thoại, Fax

- Giới hạn công nợ (số tiền nợ, ngày)
- Công nợ hoá đơn: khách hàng hay nhà cung cấp này có cần được theo dõi công nợ theo từng hoá đơn mua bán không.
- Tìm kiếm: tương tự như danh mục chi tiết vật tư

b. Số dư công nợ khách hàng đầu kỳ:

Nhập công nợ phải thu cho từng khách hàng. Thông thường TK Nợ của bút toán này là 131 hay 136.

Nội dung chi tiết

Loại tiền: VND Tỷ giá:

Vụ việc:

| Khách hàng | Tk. Nợ | Phát sinh(NT) | Phát sinh | Tên khách hàng | Địa chỉ |
|------------|--------|---------------|-----------|----------------|--------------------------|
| ▶ Asdf | 131 | | 10,000 | Asd | Asfda |
| AHBH | 131 | | 20,000 | Phạm Thị Mai | 287/3 KP4 - P Tân Biên - |
| AGBT | 131 | | 30,000 | Hồ Văn Phát | Phường 2 - Thị xã Bến Tr |
| * | | | | | |

Chi dẫn Cộng:

- Người dùng sẽ chọn Mã khách hàng (từ Danh mục khách hàng ban đầu); Tài khoản Nợ (có thể là 131 hoặc 136 nếu là khách hàng nội bộ) và số dư công nợ ban đầu;
- Người dùng có thể thực hiện import số dư công nợ ban đầu từ file Excel tương tự như Số dư vật tư – hàng hoá ban đầu.

c. Đơn hàng bán: module này cho phép bạn theo dõi đơn đặt hàng từ khách hàng bằng cách thiết lập các đơn đặt hàng; mỗi một đơn đặt hàng sẽ được tương ứng một vụ việc; khi phát sinh hoá đơn bán hàng; phiếu thu chi theo đơn hàng; bạn có thể chọn đơn hàng từ danh sách vụ việc được cung cấp.

Đơn đặt hàng bán

Trước Kế tiếp Liệt kê In đơn hàng Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 1

Thông tin chứng từ Số hiệu đơn hàng: DHB-0001 Ngày đơn hàng: 24/04/2005

Thông tin khách hàng Mã: PETRO Tên: Cty xăng dầu Petrolimex Địa chỉ: MST: 034300321

Nội dung đơn hàng

| Điều khoản TT | Hạn thanh toán | Ngày giao hàng | PT vận chuyển | Nội dung đơn hàng | Thuế suất |
|---------------|----------------|----------------|---------------|-------------------|-----------|
| 2% 10, Net 3 | 24/04/2005 | 24/04/2005 | Thư bảo đảm | Lsjlafklkafsls | 10 |

| Vật tư | Diễn giải | ĐVT | Số lượng | Đơn giá(NT) | Đơn giá | Phát sinh(NT) | Phát sinh |
|--------|----------------------|-------|----------|-------------|---------|---------------|-----------|
| Asadsf | Asfd | Thùng | 12 | | 23,432 | | 148,800 |
| BH113 | Bánh hộp Ambrosiaasd | Thùng | 10 | | 13,500 | | 135,000 |
| * | | | | | | | |

Chi dẫn: Cộng: 283,800

Hoàn tất đơn hàng

Mới Lưu Xóa Thoát

Mỗi đơn đặt hàng sẽ bao gồm các nội dung sau:

- Số hiệu đơn hàng: được thiết lập tự động theo định dạng mẫu do bạn sử dụng
- Ngày của đơn hàng
- Thông tin về khách hàng như: Mã, Tên, Địa chỉ, Mã số thuế
- Nội dung của đơn hàng bao gồm:
 - Điều khoản thanh toán: được lấy từ danh mục Các điều khoản thanh toán
 - Thời hạn thanh toán: thời hạn thanh toán của đơn hàng
 - Ngày giao hàng
 - Phương tiện vận chuyển
 - Thuế suất
 - Nội dung của đơn hàng
- Chi tiết các mặt hàng được đặt bao gồm:
 - Mặt hàng: Mã, Tên, ĐVT
 - Đơn giá ngoại tệ , đơn giá nguyên tệ
 - Số lượng
 - Số tiền phát sinh
- Khi thực hiện lưu đơn hàng; mỗi đơn hàng sẽ chuyển vào danh mục các vụ việc; Người dùng có thể theo dõi chi tiết phát sinh theo từng đơn hàng bằng cách chọn đơn hàng trong danh mục trên.

d. Hoá đơn bán hàng:

Hóa đơn bán hàng-HCBH

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 0

Thông tin chứng từ **Thông tin khách hàng**

Ngày: 03/05/2005 Mã: MBL Tên: DNTN Thành Đức
Số: 006102 Địa chỉ: số 1/4 Hồ Tùng Mậu- Khu 2A-P1-Bảo Lộc - Lâm Đồng MST:

Nội dung chứng từ

Vụ việc: Hình thức thanh toán: Thanh toán nợ
Diễn giải: DNTN Thành Đức Thời hạn thanh toán: 0
Hoá đơn xuất-Seri: Số: Ngày HĐ: 03/05/2005 Lập bảng kê thuế

| TK Nợ | TK Có | Kho xuất | Vật tư | ĐVT | Số lượng | Đơn giá(NT) | Đơn giá | VAT | Phát sinh(NT) | Phát sinh | LC |
|-------|-------|----------|--------|-------|----------|-------------|---------|-----|---------------|-----------|----|
| 131 | 5111 | NVL | KX401 | Thùng | 10 | | 139,448 | | | 1,394,480 | |
| 131 | 5111 | NVL | KX402 | Thùng | 10 | | 139,448 | | | 1,394,480 | |
| 131 | 5111 | NVL | KJ020 | Thùng | 20 | | 113,605 | | | 2,272,104 | |
| 131 | 5111 | NVL | BK475 | Thùng | 10 | | 182,162 | | | 1,821,625 | |
| 131 | 5111 | NVL | BK001 | Thùng | 10 | | 93,920 | | | 939,204 | |
| 131 | 5111 | NVL | BK230 | Thùng | 5 | | 135,385 | | | 676,925 | |

Chi dẫn: Cộng: 10,725,955

Hủy hoá đơn Xem bảng kê thuế Mới Lưu Xóa Thoát

Bên cạnh các thông tin thông thường cho chứng từ, đối với hoá đơn bán hàng, Người dùng cần chú ý các thông tin sau:

- Thông tin khách hàng: Người dùng cần nhập các thông tin về khách hàng điều này cần thiết nếu bạn muốn theo dõi công nợ phải trả của từng khách hàng cũng như theo dõi doanh số bán theo khách hàng của mình
- Thông tin về hoá đơn: mỗi một hoá đơn bán hàng xuất ra, bạn cần phải cung cấp thông tin về hoá đơn xuất; mặc định, số hoá đơn, seri hoá đơn sẽ được cấp tự động cho bạn dựa trên thông tin của hoá đơn cuối cùng được xuất ra; bạn cũng được quyền chỉnh sửa thông tin về hoá đơn nếu cần thiết.
- Thông tin về lưu chuyển tiền tệ: đối với đơn vị sử dụng phương pháp lưu chuyển tiền tệ trực tiếp, bạn sẽ cần cung cấp Mã số lưu chuyển tiền tệ mỗi khi nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền mặt hay tiền gửi ngân hàng
- Thuế suất VAT: với mỗi hoá đơn bán hàng, sau khi đã hoàn thành nhập các thông tin về mặt hàng xuất bán, bạn sẽ nhập thông tin về thuế suất VAT của hoá đơn xuất,
- Bút toán giá vốn: khi lưu hoá đơn bán hàng, hệ thống sẽ yêu cầu định khoản bút toán giá vốn cho hoá đơn bán hàng; bút toán này sẽ tự động thiết lập Phiếu xuất kho đính kèm bút toán doanh số của hoá đơn bán hàng:

Định khoản giá vốn hàng bán

Mã số: PXXO-1 Số phiếu xuất: PXX-1

Tài khoản Nợ: 532 Giá vốn hàng bán

Tài khoản Có: 1561 Giá hàng hoá

Diễn giải: Giá vốn hàng bán

In phiếu xuất

- Tùy thuộc vào tính chất của Hoá đơn bán hàng mà Người dùng định khoản giá vốn khác nhau; thông thường TK Nợ 632, TK Có 155 (nếu bán thành phẩm), 156 (nếu bán hàng hoá). Cuối tháng, hệ thống sẽ tự động tính giá vốn cho hàng hoá được bán theo các phương pháp khác nhau (nhập trước xuất trước, nhập trước xuất sau, bình quân gia quyền, bình quân tại thời điểm) tùy thuộc vào hoạt động hiện tại.
- Người dùng có thể in ngay Phiếu xuất kho tại đây; hoặc vào chức năng Xuất kho để in ra phiếu xuất kho.
- Đối với hoá đơn bán hàng; ta có thể in ra Hoá đơn tự in hoặc được chỉnh sửa theo mẫu 3 liên; in Phiếu thu nếu là thu tiền ngay.

* *Lập bảng kê thuế GTGT đầu ra, đầu vào:* Click vào nút “Bảng kê thuế”, hệ thống cho phép nhập danh sách các hoá đơn thuế GTGT đầu ra, đầu vào tương ứng với chứng từ hiện hành đang nhập.

Hoá đơn thuế GTGT

| Đầu vào | Chi phí | Mẫu HĐ | Seri HĐ | Số HĐ | Ngày PH | Tên hàng trên bảng kê | |
|--------------------------|--------------------------|--------|----------|---------|------------|-----------------------|----|
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | | AA/2005N | 0032992 | 03/05/2005 | DNTN Thành Đức | 9, |
| * | | | | | | | |

Các thông tin về hoá đơn thuế GTGT sẽ được dựa trên thông tin chứng từ nhập ban đầu như:

- Tài khoản thuế (133,3331,...)
- Thông tin về phát sinh thuế trên cơ sở doanh số
- Diễn giải
- Tên đối tượng công nợ, địa chỉ, mã số thuế,...

e. Hoá đơn dịch vụ:

Hóa đơn dịch vụ-HDDV

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 1

Thông tin chứng từ **Thông tin khách hàng**

Ngày: 05/09/2008 Mã: Tt Tên: Công Ty TNHH Thương Mại Từ Trường
Số: HDDV-01 Địa chỉ: 229 Nguyễn Công Trứ, Quận 1 MST: 0302870793

Nội dung chứng từ

Vụ việc: Hình thức thanh toán:
Diễn giải: Dịch vụ cung cấp phần mềm kế toán BAS - Công ty Từ Trường Thời hạn thanh toán: 0
Hoá đơn xuất-Seri: GH/2008N Số: 0170958 Ngày HĐ: 05/09/2008

Lập bảng kê thuế Font: Chịu thuế và không chịu thuế Chịu thuế Không chịu thuế

| TK Nợ | TK Có | Diễn giải | VAT | Phát sinh(NT) | Phát sinh LCTT |
|--------|-------|---|-----|---------------|----------------|
| ▶ 1315 | 51135 | Dịch vụ cung cấp phần mềm kế toán BAS - Công ty | | | 8,000,000 |
| * | | | | | |

Chi dẫn Cộng: 8,000,000

Hủy hoá đơn Xem bảng kê thuế Mới Lưu Xóa Thoát

- Hoá đơn dịch vụ áp dụng cho các đơn vị dịch vụ, các công ty có cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Thực ra, hoá đơn dịch vụ có thể được thay thế bằng phiếu thu nếu đơn vị không cần in hoá đơn trực tiếp trên máy tính. Chính vì vậy, thông thường ta ít khi sử dụng hoá đơn dịch vụ mà có thể sử dụng một phiếu thu để thay thế trong trường hợp đơn vị thu tiền trực tiếp ngay khi xuất hoá đơn.
- Tương tự hoá đơn bán hàng, ta cũng cần nhập các thông tin về hoá đơn và các thông tin trên Bảng kê hoá đơn bán ra.

f. Nhập hàng bán bi trả lại:

Hàng bán trả lại-NHTL

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 0

Thông tin chứng từ **Thông tin khách hàng**

Ngày: 29/05/2005 Mã: TP Tên: DNTN TM DV Thành Phát
Số: PNK01/05 Địa chỉ: 69 - Nguyễn Huệ - P1 - TP Mỹ Tho, Tiền Giang MST:

Nội dung chứng từ

Vụ việc:
Diễn giải: DNTN TM DV Thành phát
Hoá đơn nhập: Ngày HĐ: 29/05/2005 Lập bảng kê thuế

| TK Nợ | TK Có | Kho nhập | Vật tư | ĐVT | Số lượng | Đơn giá(NT) | Đơn giá | VAT | Phát sinh(NT) | Phát sin | LCTT | Diễn gi |
|--------|-------|----------|--------|-------|----------|-------------|---------|-----|---------------|-----------|------|---------|
| ▶ 3331 | 131 | | | | | | 259,320 | | | 34,152 0 | | Thuế G |
| 531 | 131 | NVL | BH102 | Thùng | | | 298,574 | | | 268,717 0 | | DNTN T |
| 531 | 131 | NVL | KH300 | Thùng | | | 149,741 | | | 46,869 0 | | DNTN T |
| 531 | 131 | NVL | KH105 | Thùng | | | 259,320 | | | 25,932 0 | | DNTN T |
| * | | | | | | | | | | | | |

Chi dẫn: Cộng: 375,670

Xem bảng kê thuế Mới Lưu Xóa Thoát

- Khi khách hàng trả hàng, Người dùng sẽ nhập các thông tin tương tự như bán hàng, tùy thuộc vào đặc thù của từng doanh nghiệp mà có cần sử dụng chứng từ này hay không; thông thường việc trả hàng có thể được thực hiện bằng một bút toán huỷ hoá đơn; ta có thể chọn hoá đơn đã bán; chỉnh sửa lại số lượng hàng hoá xuất ra bằng 0, doanh số bằng 0, thuế GTGT bằng 0; xem như có một hoá đơn đã bán ra (có kê khai trên bảng kê thuế GTGT) nhưng không phát sinh tiền.
- Nếu sử dụng chứng từ này; thông thường TK Nợ là 531 hay 511; bút toán giá vốn sẽ là TK Nợ 155,156; TK Có là 632.
- Đối với chứng từ nhập hàng bán bị trả lại; ta có thể in ra Phiếu nhập kho đối với mặt hàng đã bán; in ra Phiếu chi nếu chi trả tiền cho khách hàng ngay lập tức.

g. Phiếu thu tiền:

Phiếu thu-PTHU

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: USD Đô la Mỹ Tỷ giá: 15,980

Thông tin chứng từ **Thông tin người trả**

Ngày: 10/11/2005 Mã: Asdf Tên: Asd
Số: 01 Địa chỉ: Asfda MST: Sdf

Nội dung chứng từ

Vụ việc: B2 Binh Dien Street
Diễn giải: Thu tiền hàng
Chứng từ gốc: Ngày CT: 10/11/2005 Lập bảng kê thuế

| Tk Nợ | TK Có | Diễn giải | VAT | Phát sinh(NT) | Phát sinh | LCTT |
|--------|-------|---------------|-----|---------------|-----------|------|
| ▶ 1111 | 131 | Thu tiền hàng | | 25 | 399,500 | 02 |
| * | | | | | | |

Chi dẫn: Cộng: 25 399,500

| Ngày | Số CT | Phát sinh | Phát sinh (NT) | Còn lại | Còn lại (NT) | Thanh toán | Thanh toán (NT) |
|--------------------------------------|---------|------------------|----------------|------------------|---------------|------------|-----------------|
| <input type="checkbox"/> 31/12/2004 | DPTH-1 | 10000 | 0 | 10000 | 0 | 0 | 0 |
| <input type="checkbox"/> 29/11/20... | HDBH-27 | 4749575 | 297.22 | 4749575 | 297.22 | 0 | 0 |
| Cộng: | | 4,759,575 | 297.22 | 4,759,575 | 297.22 | 0 | 0 |

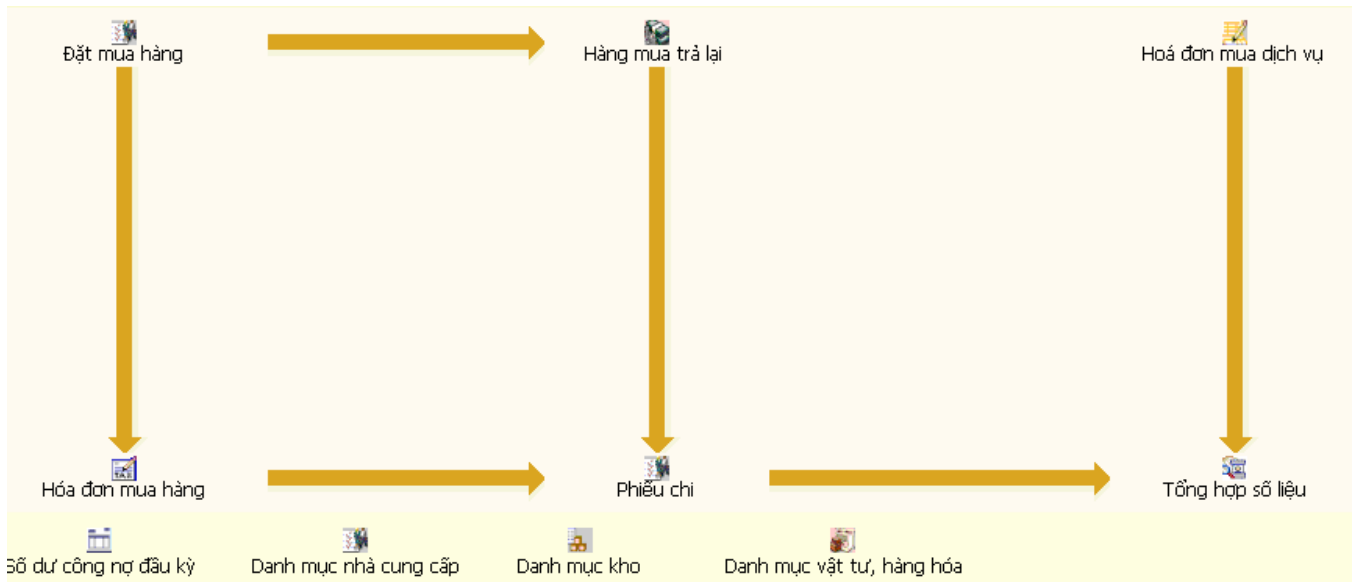
Xem bảng kê thuế Mới Lưu Xóa Thoát

Phiếu thu dùng để thực hiện các nghiệp vụ chính sau:

- Thu tiền bán hàng từ các khách hàng
- Nhập tiền mặt vào quỹ từ các nguồn thu khác như: góp vốn kinh doanh, thanh lý tài sản cố định
- Thu lại tiền tạm ứng từ nhân viên
- Các nghiệp vụ khác liên quan đến nhập tiền mặt vào quỹ tiền mặt làm tăng lương tiền mặt của đơn vị.
- Tất cả các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền mặt sẽ được tổng kết đưa vào sổ quỹ tiền mặt và nhật ký thu tiền
- Ở nội dung nhập liệu bên dưới, hệ thống cho phép bạn theo dõi công nợ của khách hàng theo từng hoá đơn thanh toán. Các hoá đơn chưa được thanh toán sẽ được hiển thị một cách chi tiết. Mặc định, hệ thống sẽ tự động thanh toán theo hình thức trừ lùi dần; tuy nhiên bạn vẫn có thể tùy chọn thanh toán hoá đơn nào theo yêu cầu của mình bằng cách Click chọn hoá đơn đó.

3.5.3- Kế toán mua hàng:

Chọn mục “Nhà cung cấp” ở menu bên trái :



Nội dung của kế toán mua hàng tương tự như kế toán bán hàng với các chức năng chính:

- a- **Danh mục nhà cung cấp:** thiết lập danh sách các nhà cung cấp; tương tự như bạn thiết lập danh sách các khách hàng trong phần bán hàng.
- b- **Số dư công nợ nhà cung cấp đầu kỳ:** Nhập công nợ phải trả đầu kỳ cho từng nhà cung cấp. Thông thường, TK Có của bút toán này là 331 hay 336.
- c- **Đơn đặt mua hàng:** module này cho phép bạn theo dõi đơn đặt hàng cho nhà cung cấp bằng cách thiết lập các đơn đặt hàng; mỗi một đơn đặt hàng sẽ được tương ứng một vụ việc; khi phát sinh hoá đơn bán hàng; phiếu thu chi theo đơn hàng; bạn có thể chọn đơn hàng từ danh sách vụ việc được cung cấp.

d- **Hoá đơn mua hàng**: khi mua hàng hoá, vật tư, nguyên nhiên liệu,... nhập kho

Hóa đơn mua hàng-HDMH

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 1

Thông tin chứng từ Ngày: 16/04/2008 Mã: Xn ng Tên: XN In Nguyễn Minh Hoàng
Số: HDMH-01 Địa chỉ: 100 Lê Đại hành, Phường 7, Quận 11, Tp. HCM MST: 0301469532-1

Thông tin nhà cung cấp

Nội dung chứng từ
Vụ việc:
Diễn giải: Nhập kho Nguyệt san Saigon Lifestyles 4
Hoá đơn nhập: Hđ 0027472 XA/200 Ngày HĐ: 16/04/2008
 Lập bảng kê thuế Font Chịu thuế và không chịu thuế Chịu thuế Không chịu thuế

| TK Nợ | TK Có | Kho nhập | Vật tư | ĐVT | Số lượng | Đơn giá(NT) | Đơn giá | VAT | Phát sinh(NT) | Phát sinh LCTT | Diễn giải |
|--------|-------|----------|--------|-------|----------|-------------|---------|-----|---------------|----------------|-------------------------------|
| ▶ 1561 | 3315 | Cty | SG4 | Quyển | 1,500 | | 25,000 | | | 37,500,000 | Nhập kho Nguyệt san Saigon L |
| 1331 | 3315 | | | | | | | 5 | | 1,875,000 | Thuế GTGT được khấu trừ của |
| 1561 | 1422 | Cty | SG4 | Quyển | | | | | | 3,636,363 | Phân bổ chi phí Quản lý Nguyê |
| * | | | | | | | | | | | |

Chi dẫn: Cộng: 43,011,363

e. **Mua hàng dịch vụ**: thanh toán các hoá đơn,dịch vụ,... có phát sinh hoá đơn thuế GTGT

Hóa đơn mua dịch vụ-MHDV

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 1

Thông tin chứng từ Ngày: 29/04/2008 Mã: Ttam Tên: Trung Tâm Thông tin Di Động Khu Vực II
Số: MHDV-02 Địa chỉ: 125 hai bà Trưng, P bên Nghé, Quận 1 MST: 0100686209-00

Thông tin nhà cung cấp

Nội dung chứng từ
Vụ việc:
Diễn giải: Cước điện thoại BGD tháng 004/2008
Hoá đơn nhập: Hđ 661226-27-28 B Ngày HĐ: 29/04/2008
 Lập bảng kê thuế Font Chịu thuế và không chịu thuế Chịu thuế Không chịu thuế

| Tk Nợ | TK Có | Diễn giải | VAT | Phát sinh(NT) | Phát sinh LCTT |
|--------|-------|---|-----|---------------|----------------|
| ▶ 6427 | 3313 | Cước điện thoại BGD tháng 004/2008 | | | 1,221,317 |
| 1331 | 3313 | Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ | 10 | | 122,132 |
| * | | | | | |

Chi dẫn: Cộng: 1,343,449

f. -Phiếu chi: thực hiện chi tiền thanh toán cho nhà cung cấp:

Phiếu chi-PCHI

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in

Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 1

Thông tin chứng từ **Thông tin người nhận**

Ngày: 30/09/2008 Mã: DL1 Tên: Công Ty TNHH Danh Lam
Số: PCHI-08 Địa chỉ: 243/2/32 Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh MST: 0303970536

Nội dung chứng từ

Vụ việc:
Diễn giải: Thanh toán tiền thuê văn phòng -Chu Văn An trong tháng 08/2008
Chứng từ gốc: HĐ 0024369 QR/2C Ngày CT: 30/09/2008

Lập bảng kê thuế Font:
 Chịu thuế và không chịu thuế Chịu thuế Không chịu thuế

| Tk Nợ | TK Có | Diễn giải | VAT | Phát sinh(NT) | Phát sinh LCTT |
|-------|-------|--|-----|---------------|----------------|
| 6427 | 1111 | Thanh toán tiền thuê văn phòng -Chu Văn An trong tháng 08/2008 | | | 8,000,000 |
| 1331 | 1111 | Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ | 10 | | 800,000 |
| * | | | | | |

Chi dẫn: Cộng: 8,800,000

Xem bảng kê thuế Mới Lưu Xóa Thoát

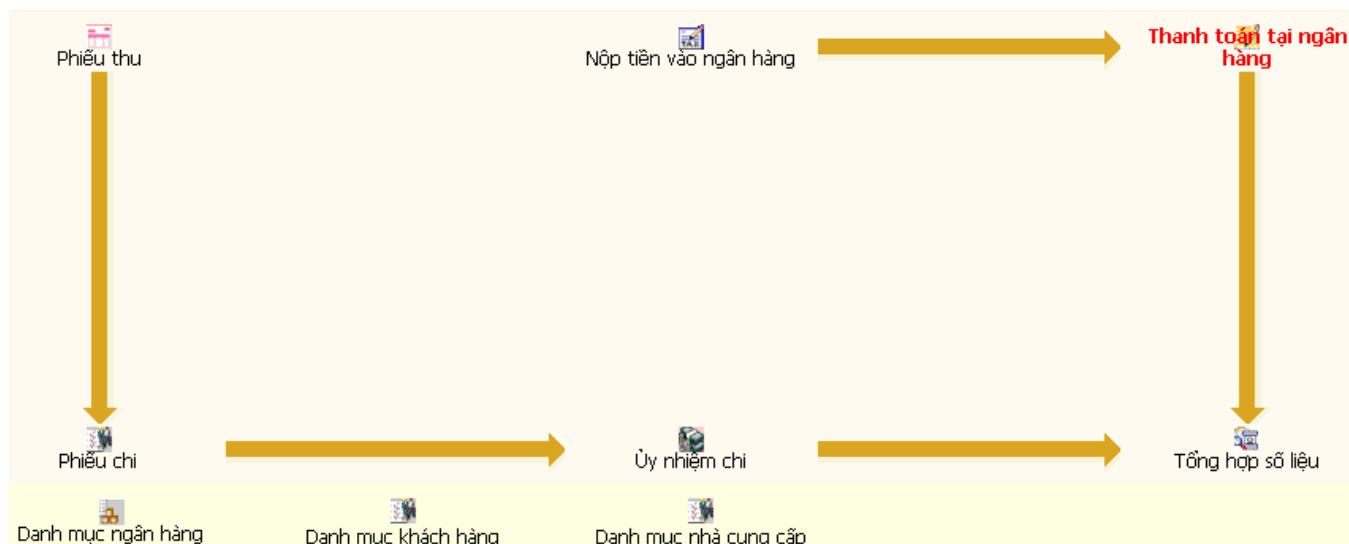
Phiếu chi tiền có nội dung tương tự với phiếu thu tiền. Thông thường phiếu chi tiền được sử dụng trong các nghiệp vụ sau:

- Thanh toán chi phí dịch vụ mua ngoài
- Các khoản chi nội bộ: chi lương, chi tạm ứng, ...
- Các chi phí thanh toán cho nhà cung cấp,...
- Các nghiệp vụ phát sinh chi sẽ được tổng hợp vào sổ quỹ tiền mặt và nhật ký chi tiền.

g. Trả hàng cho người cung cấp: trả lại hàng cho người cung cấp khi hàng hư hỏng, không đúng chất lượng...

3.5.4- Kế toán vốn bằng tiền:

Chọn mục “Thu chi” ở menu bên trái :



Kế toán vốn bằng tiền thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến Tiền mặt (111), Tiền gửi ngân hàng (112), Tiền đang chuyển (113) chủ yếu liên quan đến việc thu chi, thanh toán các khoản phải thu, phải trả, chi phí bằng tiền.

a. **Danh mục ngân hàng:** lập danh sách các ngân hàng cần theo dõi

| Mã | Tên | Tài khoản | Địa chỉ | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|--------------|-----------------------------|---------|
| Ac | Ngân Hàng TM CP Á Châu | 5890369 | 442 Nguyễn Thị Minh Khai, | |
| CK | Công ty Chứng Khoán Công Thương | 000989 | 153 Hàm Nghi, Quận 1 | |
| CK1 | Công ty TNHH Chứng Khoán NHCT | 007 C 000989 | 63 Phạm Ngọc Thạch, P 6, Q | |
| SC | Sacombank | 0234003432 | 14 Nam ky khoi nghĩa, Q1, T | |
| TB | Ngân hàng Kỹ thương TP HCM | 0120320323 | 14 Cộng Hòa, TP HCM | |
| VB | Ngân hàng Ngoại thương Việt nam | 0120230041 | 12 Nguyễn Công Trứ, Q1, TP | |
| * | | | | |

Buttons: Lưu (Save), Thoát (Exit)

b. **Phiếu thu tiền:** thực hiện tương tự như phiếu thu tiền hàng trong module Kế toán bán hàng

c. **Phiếu chi tiền:** thực hiện tương tự phiếu chi tiền trong module Kế toán mua hàng.

d- Phiếu ủy nhiệm chi:

Ủy nhiệm chi-UCHI-UCHI

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 0

Thông tin chứng từ **Thông tin người nhận**

Ngày: 29/10/2005 Mã: CNDN Tên: Chi nhánh Cty bánh kẹo Đà Nẵng
Số: Địa chỉ: MST: XXXXXXXXXXXXX

Thông tin ngân hàng

Người trả: TB Tên: Ngân hàng Kỹ thương TP HCM Địa chỉ: 14 Cộng Hòa, TPHCM TK: 0120320323
Người nhận: VB Tên: Ngân hàng Ngoại thương Việt na Địa chỉ: 12 Nguyễn Công Trứ, Q1, TP HCM TK: 0120230041

Nội dung chứng từ

Vụ việc: Diển giải: 2423235
Chứng từ gốc: Ngày CT: 29/10/2005 Lập bảng kê thuế

| Tk Nợ | TK Có | Diển giải | VAT | Phát sinh(NT) | Phát sinh | LCTT |
|--------|-------|-----------|-----|---------------|-----------|------|
| ▶ 1121 | 131 | 2423235 | | | 1,200,000 | 01 |
| * | | | | | | |

Chi dẫn: Cộng: 1,200,000

Xem bảng kê thuế Mới Lưu Xóa Thoát

Thực hiện nghiệp vụ ủy nhiệm chi thông qua hệ thống ngân hàng

e. Thanh toán tại ngân hàng:

Phiếu chi ngân hàng-PCNH

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: USD Đô la Mỹ Tỷ giá: 15,880

Thông tin chứng từ **Thông tin người nhận**

Ngày: 04/05/2005 Mã: BD Tên: Bưu điện
Số: Địa chỉ: MST:

Thanh toán tại ngân hàng

Mã: TB Tên: Ngân hàng Kỹ thương TP HCM Địa chỉ: 14 Cộng Hòa, TPHCM TK: 0120320323

Nội dung chứng từ

Vụ việc: Diển giải: Chi tiền qua ngân hàng
Chứng từ gốc: Ngày CT: 04/05/2005 Lập bảng kê thuế

| Tk Nợ | TK Có | Diển giải | VAT | Phát sinh(NT) | Phát sinh | LCTT |
|-------|-------|------------------------|-----|---------------|-----------|------|
| ▶ 331 | 1121 | Chi tiền qua ngân hàng | | 300 | 4,764,000 | |
| * | | | | | | |

Chi dẫn: Cộng: 300 4,764,000

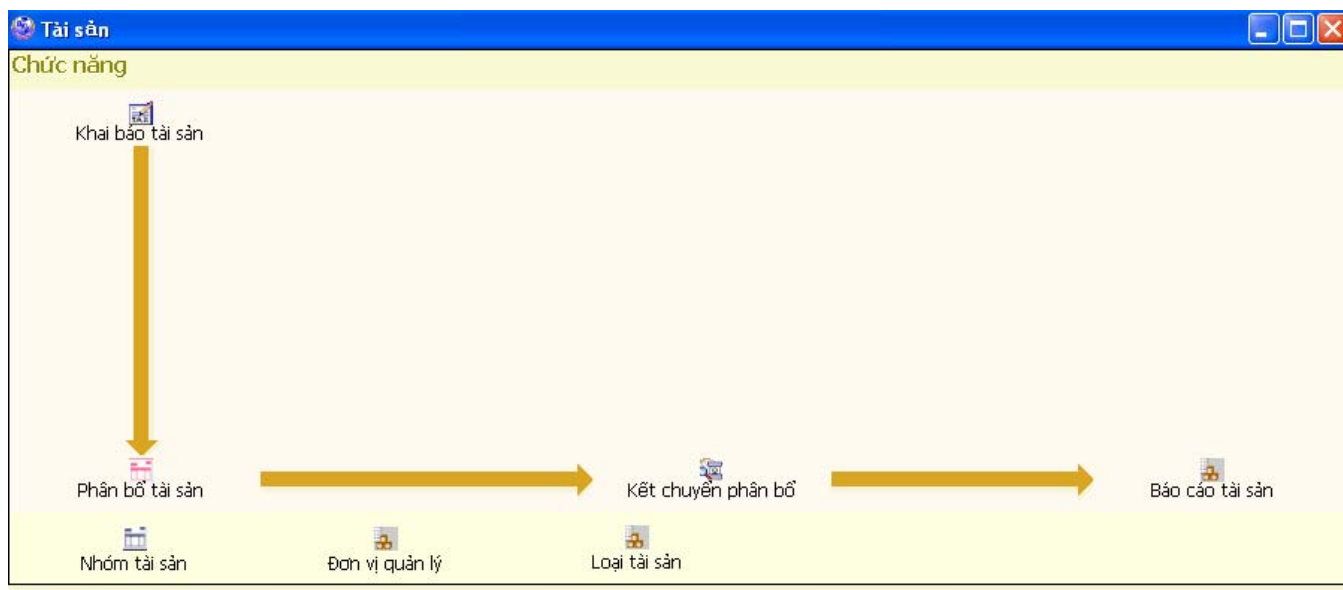
Xem bảng kê thuế Mới Lưu Xóa Thoát

Thực hiện nghiệp vụ chi tiền thông qua tài khoản tại ngân hàng

Thực hiện nghiệp vụ thu tiền tại ngân hàng

3.5.5- Kế toán quản lý tài sản:

Chọn mục “tài sản” ở menu bên trái :

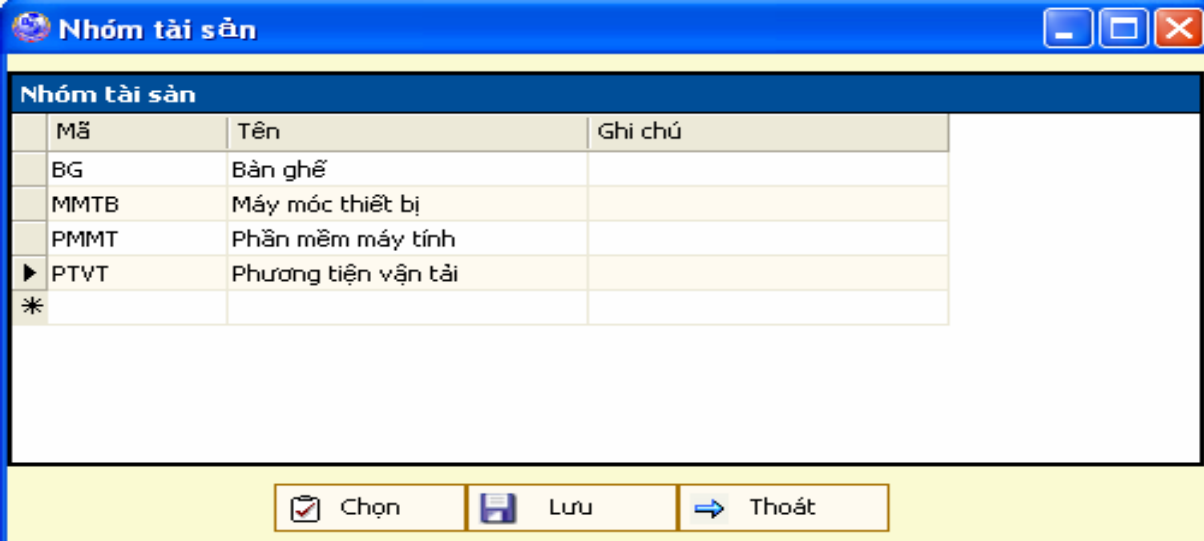


- a- **Loại tài sản:** cho phép đơn vị theo dõi nhiều loại tài sản khác nhau trong đơn vị, mặc định ta thường có 2 loại hình là: Công cụ dụng cụ, Tài sản cố định

The screenshot shows a software window titled "Loại tài sản" (Asset Types) with a table of asset types and their minimum values. The table has two columns: "Loại tài sản" and "Nguyên giá tối thiểu". The rows are: "Công cụ dụng cụ" (150,000), "Tài sản cố định hữu hình" (10,000,000), and "Tài sản cố định vô hình". There is also an asterisk (*) in the first column. At the bottom, there are three buttons: "Chọn" (Select), "Lưu" (Save), and "Thoát" (Exit).

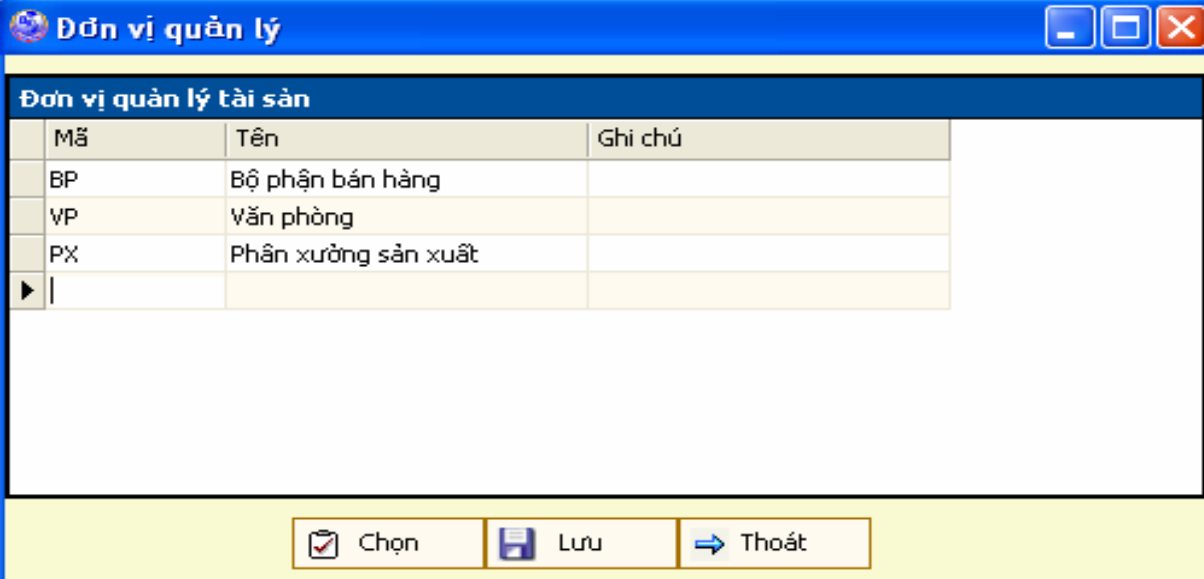
| Loại tài sản | Nguyên giá tối thiểu |
|--------------------------|----------------------|
| ▶ Công cụ dụng cụ | 150,000 |
| Tài sản cố định hữu hình | 10,000,000 |
| Tài sản cố định vô hình | |
| * | |

- b- **Nhóm tài sản:** thông thường, đơn vị theo dõi tài sản dựa trên các nhóm tài sản nhằm tập hợp và theo dõi chi tiết được thông tin về tài sản hiện có trong đơn vị:



| Mã | Tên | Ghi chú |
|--------|---------------------|---------|
| BG | Bàn ghế | |
| MMTB | Máy móc thiết bị | |
| PMMT | Phần mềm máy tính | |
| ▶ PTVT | Phương tiện vận tải | |
| * | | |

- c- **Bộ phận quản lý:** cập nhật thông tin về các bộ phận đơn vị có quản lý tài sản.



| Mã | Tên | Ghi chú |
|----|---------------------|---------|
| BP | Bộ phận bán hàng | |
| VP | Văn phòng | |
| PX | Phân xưởng sản xuất | |
| ▶ | | |

d- Chi tiết tài sản cố định:

| Khai báo ban đầu tài sản | | | | | | | |
|---------------------------|-------------------------|--------------|-----------|---------|----------------------------|---------------|----------|
| Thông tin tài sản cố định | | | | | | | |
| Hết PBổ | Loại hình tài sản | Nhóm tài sản | Đơn vị QL | Mã TS | Tên tài sản | Nước sản xuất | |
| <input type="checkbox"/> | Chi phí trả trước dài h | In an | BP | 01/CPDH | In Brochure, Foder, Hộp CD | | |
| <input type="checkbox"/> | Chi phí trả trước dài h | CPDH | BP | 02/CPDH | In Foder, tờ rơi | | |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | MMTB | VP | 03/CCDC | Máy Laptop Panasonic | | |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | MMTB | VP | 01/CCDC | Máy lạnh Toshiba 1,5 HP | | |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | MMTB | VP | 02/CCDC | Máy vi tính P1 | | |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | MMTB | VP | 04/CCDC | Máy in T45 Xi | | |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | MMTB | BP | 05/CCDC | Máy vi tính P2 | | |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | MMTB | VP | 06/CCDC | Máy in Canon IP 1200 | | |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | MMTB | VP | 07/CCDC | Máy vi tính P4 | | |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | MMTB | VP | 08/CCDC | Máy vi tính P4 | | |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | TB | BP | 09/CCDC | Điện thoại Ktel 117 | | |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | MMTB | VP | 10/CCDC | Máy lạnh 1 HP RT/RC 9RT F | | Việt Nam |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | MMTB | VP | 11/CCDC | Máy lạnh PNC | | Việt Nam |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | MMTB | BP | 12/CCDC | Máy lạnh PNC | | Việt Nam |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | MMTB | VP | 13/CCDC | máy vi tính P5 | | |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | TB | VP | 14/CCDC | Ổn áp | | |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | BG | VP | 15/CCDC | Tủ kính | | |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | BG | VP | 16/CCDC | Bộ bàn làm việc | | |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | TB | BP | 17/CCDC | Màn hình LCD AOC | | |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | MMTB | VP | 18/CCDC | Máy vi tính P 5 | | |
| <input type="checkbox"/> | Công cụ dụng cụ | TB | VP | 19/CCDC | Màn hình LCD AOC | | |

Khai báo chi tiết tài sản: Các thông tin cần lưu ý:

- * Hết khấu hao chưa: nếu tài khoản được thanh lý trước thời hạn khấu hao, góp vốn liên doanh sẽ không được tính khấu hao nữa; người sử dụng cần check vào ô này để chấm dứt khấu hao tài sản này
- * Mã tài sản, Tên tài sản
- * Năm sản xuất, Nước sản xuất
- * Ngày sử dụng: ngày bắt đầu đưa vào sử dụng
- * Số tháng khấu hao: số tháng tính khấu hao tài sản cố định này
- * Tháng khấu hao: tháng bắt đầu khấu hao
- * TK Phân bổ: tài khoản Có khi phân bổ, thường là TK 142, 242 đối với Công cụ dụng cụ; TK 214 đối với Tài sản cố định
- * TK chi phí: tài khoản Nợ được phân bổ tài sản (TK 6274, 6413, 6414, 6423, 6424...)
- * Đơn giá: đơn giá của tài sản
- * Số lượng: số lượng tài sản

* Nguyên giá: Đơn giá

* Số lượng

* Đã phân bổ: số tiền đã phân bổ cho tài sản; đây là trường hợp khi tài sản đã được phân bổ 1 phần trước khi áp dụng hệ thống kế toán này

* Nội dung kết chuyển: nội dung của nghiệp vụ khi phân bổ tài sản

e- **Điều chỉnh mức phân bổ tài sản:** Mặc định, tài sản sẽ được tính phân bổ tự động hằng tháng dựa trên các thông tin đã nhập trong chi tiết tài sản; tuy nhiên đơn vị cũng có thể có nhu cầu làm tròn hay chỉnh sửa tài sản trong một tháng nào đó cho phù hợp với nhu cầu đặc thù của mình.

f- **Tính mức phân bổ tài sản:**

| Mã TS | Tên tài sản |
|---------|-------------------------------|
| 01/CPDH | In Brochure, Foder, Hộp CD |
| 02/CPDH | In Foder, tờ rơi |
| 07/CCDC | Máy vi tính P4 |
| 08/CCDC | Máy vi tính P4 |
| 10/CCDC | Máy lạnh 1 HP RT/RC 9RT FC2 |
| 11/CCDC | Máy lạnh PNC |
| 12/CCDC | Máy lạnh PNC |
| 13/CCDC | máy vi t ình P5 |
| 14/CCDC | Ổn áp |
| 15/CCDC | Tủ kính |
| 16/CCDC | Bộ bàn làm việc |
| 17/CCDC | Màn hình LCD AOC |
| 18/CCDC | Máy vi tính P 5 |
| 19/CCDC | Màn hình LCD AOC |
| 20/CCDC | Máy in Brother HP 2040 |
| 21/CCDC | Màn hình LCD |
| 22/CCDC | Máy vi tính P 4 |
| 23/CCDC | Máy ảnh kỹ thuật số |
| 24/CCDC | Máy sạc pin |
| 25/CCDC | USB 1 Gb |
| 26/CCDC | Máy lạnh Mitsubishi |
| 27/CCDC | HDD WD 80 G |
| 02/TSHH | Máy Laptop P3 |
| 01/TSHH | Máy vi tính P3 |
| 03/TSHH | Máy vi tính sever |
| 01/TSVH | Phần mềm kế toán BAS |
| 02/TSVH | Phần mềm quản lý hàng hóa IMS |

Tài sản: 03/TSHH Máy vi tính sever
Nước sản xuất: Năm sản xuất: 0
Loại tài sản: Tài sản cố định hữu hình
Nhóm tài sản: MMTB Máy móc thiết bị
Đơn vị QL: LP QLVP
Ngày sử dụng: 10/03/2007 Tháng KH: 04/2007

Thông tin chi tiết

| Đơn giá | Số lượng | Nguyên giá | Đã hao mòn | Còn lại | Số tháng Pbổ |
|------------|----------|------------|------------|-----------|--------------|
| 12,752,000 | 1 | 12,752,000 | 6,730,218 | 6,021,782 | 36 |

Tháng phân bổ: 10 Phân bổ/tháng: 354,222 Lưu lại mức phân bổ

Tính mức phân bổ tháng Thoát

- Click vào nút “ Tính mức phân bổ tháng” để hệ thống tự động tính khấu hao cho toàn bộ tài sản còn được khấu hao trong tháng;
- Muốn thay đổi số tiền khấu hao trong tháng hiện tại; thay đổi số tiền đó, click “Lưu mức phân bổ” để điều chỉnh mức khấu hao đã được thay đổi.
- Mẫu này dùng cho phân bổ công cụ dụng cụ, phần bổ chi phí trả trước chờ kết chuyển, chi phí trả trước dài hạn

- g- **Kết chuyển phân bổ tài sản:** vào cuối tháng, doanh nghiệp tự động thực hiện kết chuyển phân bổ tài sản cố định đưa vào bảng cân đối phát sinh.

Kết chuyển phân bổ

Tháng phân bổ: 10

Kết chuyển Xóa Thoát

Bút toán kết chuyển phân bổ

| Số phiếu | Ngày | Diễn giải | TK phân bổ | TK Chi phí | Phát sinh |
|----------|------------|---|------------|------------|-----------|
| KHTS-1 | 31/10/2008 | Phân bổ CCDC vào chi phí bán hàng | 153 | 6413 | 722,882 |
| KHTS-2 | 31/10/2008 | Phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí | 2421 | 6417 | 885,067 |
| KHTS-3 | 31/10/2008 | Phân bổ CCDC vào chi phí QLDN | 153 | 6423 | 2,255,322 |
| KHTS-4 | 31/10/2008 | Trích khấu hao tài sản cố định hữu hình | 2141 | 6424 | 854,222 |
| KHTS-5 | 31/10/2008 | Trích khấu hao tài sản cố định vô hình | 2143 | 6424 | 2,663,832 |

- h- **Báo cáo tài sản:**

Báo cáo tài sản

Báo cáo: Số chi tiết tài sản theo Nhóm tài sản

Điều kiện lọc

Từ ngày: 01/10/2008 Đến ngày: 31/10/2008

Loại tài sản: Tài sản cố định hữu hình

Tài sản: 01/TSHH 01/TSHH

Nhóm tài sản: MMTB Máy móc thiết bị

Đơn vị quản lý: VP QLVP

Tiếng Việt Tiếng Anh Tiếng Hoa Lập ngày: 01/10/2008

In Thoát

Các báo cáo tài sản được chia làm nhiều loại hình:

- Các báo tài sản cố định
- Các báo cáo công cụ dụng cụ

- Các báo cáo chi phí trả trước dài hạn ...

Người dùng có thể chọn các tiêu chí lọc để có thể thiết lập báo cáo phù hợp với nhu cầu của mình. Bằng các tiêu chí lọc, bạn có thể xem tổng hợp, chi tiết của các loại tài sản trong doanh nghiệp theo bất kỳ khoản thời gian nào.

3.5.6- Kế toán tiền lương:

a. Lập danh sách nhân viên

| Người NN | Mã | Họ và tên | Ngày si | Nơi sinh | Địa chỉ | Phòng ban | Chức vụ | Phái(Nữ:0,Na | Lưu |
|--------------------------|-------|-------------------|---------|----------|---------|------------------|-----------------|--------------|-----|
| <input type="checkbox"/> | MS 01 | Phạm Anh Dũng | | | | Ban Giám đốc | Giám đốc ĐH | 1 | |
| <input type="checkbox"/> | MS 02 | Hồ Văn Tuấn | | | | Ban Giám đốc | Giám đốc TC | 1 | |
| <input type="checkbox"/> | MS 03 | Nguyễn Thị Hiếu | | | | Ban Giám đốc | Kế toán trưởng | 0 | |
| <input type="checkbox"/> | MS 04 | Văn Cảnh Bình | | | | Phòng kế toán | NV | 1 | |
| <input type="checkbox"/> | MS 05 | Hồ Văn Quang | | | | Phòng kỹ thuật | NV | 1 | |
| <input type="checkbox"/> | MS 06 | Đinh Thị Thu Thủy | | | | Phòng kế toán | NV | 0 | |
| <input type="checkbox"/> | MS 07 | Nguyễn Đức Hưng | | | | Phòng Kinh doanh | NV | 1 | |
| <input type="checkbox"/> | MS 09 | Lê Thị Tuyết Hằng | | | | Phòng kế toán | NV | 0 | |
| <input type="checkbox"/> | MS 10 | Lê Khắc Quảng | | | | Phòng Tạp chí | Thư ký tòa soạn | 1 | |
| <input type="checkbox"/> | MS 11 | Trình Thế Tâm | | | | Phòng Tạp chí | NV | 1 | |
| <input type="checkbox"/> | MS 12 | Lê Thanh Tùng | | | | Phòng Kinh doanh | NV | 1 | |

Nội dung này cho phép bạn nhập danh sách các nhân viên trong công ty, thông tin về nhân viên, nhân viên đã nghỉ việc,... Các thông tin chú ý đối với nội dung này là:

- Mức lương cơ bản
- Mức trích BHXH
- Mức trích BHYT
- Mức trích KPCD

- Mức thực nhận sau khi trừ tất cả chi phí trên
- Danh sách nhân viên này sẽ được dùng để tính lương hàng tháng của nhân viên (trừ nhân viên đã nghỉ việc trước ngày tính lương cho nhân viên)

b-Thuế thu nhập:

| TÍNH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN | | | | | | | | | | | | |
|-----------------------------------|-------------------|---------------|---------|--|---------|----------|---------------|---------------|-------------------|----|--------------|--|
| Số nhân viên có trong danh sách: | | 7 | | <input type="checkbox"/> Xem cả nhân viên đã nghỉ việc | | | | | | | | |
| Danh sách nhân viên trong công ty | | | | | | | | | | | | |
| Mã | Họ và tên | Phòng ban | Chức vụ | Lương cơ bản | Phụ cấp | Hoa hồng | Thu nhập khác | Tổng thu nhập | Giảm trừ gia cảnh | Số | Số tiền khấu | |
| MS 01 | Phạm Anh Dũng | Ban Giám đốc | CEO | 15,000,000 | | | | 15,000,000 | 4,000,000 | 1 | 1,600,000 | |
| MS 02 | Hồ Văn Tuấn | Ban Giám đốc | CFO | 12,000,000 | 300,000 | | | 12,300,000 | 4,000,000 | 1 | 1,600,000 | |
| MS 03 | Nguyễn Thị Hiếu | Ban Giám đốc | KTT | 10,000,000 | 300,000 | | | 10,300,000 | 4,000,000 | 1 | 1,600,000 | |
| MS 04 | Văn Cảnh Bình | Phòng kế toán | NV | 4,500,000 | | | | 4,500,000 | 4,000,000 | | | |
| MS 05 | Đinh Thị Thu Thủy | Phòng kế toán | NV | 4,000,000 | | | | 4,000,000 | 4,000,000 | | | |
| MS 06 | Nguyễn Thị Ánh Ng | Phòng kế toán | NV | 4,000,000 | | | | 4,000,000 | 4,000,000 | | | |
| MS 07 | Hồ Vũ Thắng | Phòng Kinh d | NV | 5,500,000 | | | | 5,500,000 | 4,000,000 | | | |
| * | | | | | | | | | | | | |

| Danh sách nhân viên trong công ty | | | | | | | | | | | | |
|-----------------------------------|---------------|-------------------|----------|----------------------------|-----------|-----------|--------------|---------------|---------|---------------|---------|--|
| a | Tổng thu nhập | Giảm trừ gia cảnh | Số lượng | Số tiền khấu trừ phụ thuộc | Tiền BHXH | Tiền BHYT | Tổng khấu tr | Thu nhập tính | Mức thu | Thuế thu nhập | Đã nghỉ | |
| | 4,000,000 | 4,000,000 | | | 200,000 | 40,000 | 4,240,000 | | | | | |
| | 4,000,000 | 4,000,000 | | | 200,000 | 40,000 | 4,720,000 | | | | | |
| | 4,500,000 | 4,000,000 | | | 225,000 | 45,000 | 4,270,000 | 230,000 | | 11,500 | | |
| | 5,500,000 | 4,000,000 | | | 275,000 | 55,000 | 4,330,000 | 1,170,000 | | 58,500 | | |
| | 10,300,000 | 4,000,000 | 1 | 1,600,000 | 500,000 | 100,000 | 6,200,000 | 4,100,000 | | 205,000 | | |
| | 12,300,000 | 4,000,000 | 1 | 1,600,000 | 600,000 | 120,000 | 6,320,000 | 5,680,000 | | 318,000 | | |
| | 15,000,000 | 4,000,000 | 1 | 1,600,000 | 750,000 | 150,000 | 5,930,000 | 9,070,000 | | 657,000 | | |

Nội dung này cho Người dùng cập nhật những thông tin liên quan đến “Tổng thu nhập chịu thuế” trong tháng của Người lao động; “Tổng số các khoản được giảm trừ” của Người lao động và từ đó xác định được “thu nhập tính thuế TNCN” và xác định được chính xác số thuế TNCN mà Người lao động phải nộp;

Các thông tin chú ý đối với nội dung này là:

- Tổng thu nhập của Người lao động (gồm có: thu nhập từ tiền lương, tiền công, phụ cấp, thưởng ...)
- Tổng số các khoản được giảm trừ của Người lao động (gồm có: các khoản đóng góp bảo hiểm bắt buộc; Các khoản giảm trừ gia cảnh)
- Thu nhập tính thuế TNCN
- Thuế suất thuế TNCN
- Số thuế TNCN mà Người lao động phải nộp;

b. Tạo bảng lương tháng

Lập bảng lương

Tháng: 05/2005

Lập bảng lương mới | Tìm kiếm | Lưu | Thoát

Danh sách nhân viên trong công ty

| Họ và tên | Phòng ban | Lương cơ bản | Phụ cấp | Trích BHXH | Trích BHYT | Trích KPCD | Tỉ |
|---------------------|-------------|--------------|---------|------------|------------|------------|----|
| Đỗ Thế Nguyên Vũ | Giám đốc | 20,000,000 | 500,000 | 3,000,000 | 1,200,000 | 400,000 | 2 |
| Nguyễn Vinh Quang | Giám đốc | 27,000,000 | 500,000 | 4,050,000 | 1,620,000 | 540,000 | 3 |
| Nguyễn Thị Phi | Kinh doanh | 1,500,000 | 500,000 | 225,000 | 90,000 | 30,000 | |
| Nguyễn Thị Thu Thủy | Kinh doanh | 1,500,000 | 500,000 | 225,000 | 90,000 | 30,000 | |
| Nguyễn Hoàng Vũ | Kinh doanh | 2,500,000 | 500,000 | 375,000 | 150,000 | 50,000 | |
| Nguyễn Hoàng Huy | Kế toán | 2,000,000 | 500,000 | 300,000 | 120,000 | 40,000 | |
| Trần Bình Minh | Kế toán | 3,200,000 | 500,000 | 480,000 | 192,000 | 64,000 | |
| Jan | Bộ phận sản | 1,200,000 | 500,000 | 180,000 | 72,000 | 24,000 | |
| Mai | Bộ phận sản | 1,200,000 | 500,000 | 180,000 | 72,000 | 24,000 | |
| Học | Bộ phận sản | 1,200,000 | 500,000 | 180,000 | 72,000 | 24,000 | |
| Hào | Bộ phận sản | 1,200,000 | 500,000 | 180,000 | 72,000 | 24,000 | |
| Thùy | Bộ phận sản | 1,200,000 | 500,000 | 180,000 | 72,000 | 24,000 | |
| Thân | Bộ phận sản | 1,200,000 | 500,000 | 180,000 | 72,000 | 24,000 | |
| Hạnh | Bộ phận sản | 1,200,000 | 500,000 | 180,000 | 72,000 | 24,000 | |
| Hoa | Bộ phận sản | 1,200,000 | 500,000 | 180,000 | 72,000 | 24,000 | |
| Huyền | Bộ phận sản | 1,200,000 | | 180,000 | 72,000 | 24,000 | |
| Dương | Bộ phận sản | 1,200,000 | | 180,000 | 72,000 | 24,000 | |
| Thăng | Bộ phận sản | 1,200,000 | | 180,000 | 72,000 | 24,000 | |

Vào cuối mỗi tháng, hệ thống cho phép bạn tính toán lương thực nhận, các mức trích nộp của từng nhân viên. Nếu trong tháng có sự thay đổi về lương cơ bản của nhân viên (tăng, giảm), hệ thống sẽ tự động tính toán lại phù hợp.

c. Lập phiếu chi lương

Thực chất, phiếu chi lương chẳng qua là một phiếu chi thông thường để thanh toán tiền lương cho nhân viên

d. Báo cáo lương

Cho phép in ra các mẫu báo cáo tiền lương, các mẫu BHXH, BHYT, KPCD cơ bản theo yêu cầu của nhà nước.

Báo cáo lương TNCN

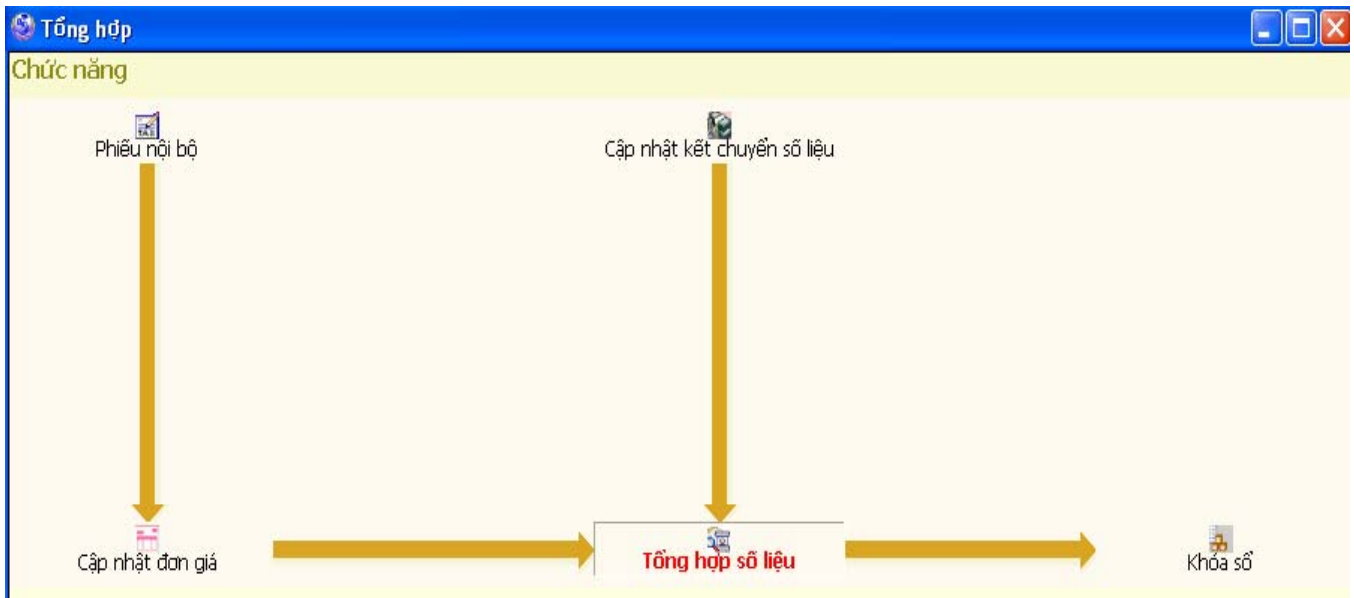
Báo cáo lương: Bảng lương tháng Tháng: 08/2009

Tiếng Việt Tiếng Anh Tiếng Hoa Lập ngày: 28/08/2009

In Thoát

3.5.7- Kế toán tổng hợp:

Chọn mục “Tổng hợp” ở menu bên trái.



Kế toán tổng hợp thực hiện các chức năng chính sau:

a- Hạch toán nội bộ:

Phiếu hạch toán nội bộ thường được sử dụng đối với các nghiệp vụ phát sinh trong nội bộ doanh nghiệp, các nghiệp vụ kết chuyển, tính chênh lệch, các nghiệp vụ điều chỉnh,...

Thông thường, Phiếu hạch toán nội bộ có thể dùng để tính BHXH và BHYT phải nộp; dùng để ghi nhận các khoản chiết khấu-khuyến mại được hưởng ...

Phiếu hạch toán nội bộ-PNBO

Loại tiền: VND | Việt Nam đồng | Tỷ giá: 1

Thông tin chứng từ | **Thông tin người liên hệ**

Ngày: 11/10/2008 | Mã: Dienluc | Tên: Điện Lực Gia Định
 Số: PNBO-01 | Địa chỉ: 01 Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM | MST: 0300951119-1

Nội dung chứng từ

Vụ việc: |
 Diễn giải: Khuyến mãi điện thoại bản tháng 09/2008 được hưởng
 Chứng từ gốc: | Ngày CT: 01/10/2008

| TK Nợ | TK Có | Kho nhập | Vật tư | ĐVT | Số lượng | Đơn giá(NT) | Đơn giá | VAT | Phát sinh(NT) | Phát sinh L |
|--------|-------|----------|--------|-----|----------|-------------|---------|-----|---------------|-------------|
| ▶ 3317 | 5153 | | | | | | | | | 23,848 |
| * | | | | | | | | | | |

Chi dẫn: | **Cộng:** 23,848

Mới | Lưu | Xóa | Thoát

Hoặc dùng phiếu nội bộ để kết chuyển số thuế GTGT được khấu trừ trong tháng;

Phiếu hạch toán nội bộ-PNBO

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 1

Thông tin chứng từ Ngày: 31/07/2009 Mã: Tên: Số: PNBO-03 Địa chỉ: MST:

Thông tin người liên hệ

Nội dung chứng từ

Vụ việc: Diễn giải: Cuối kỳ kết chuyển thuế GTGT bán ra sang khấu trừ thuế Chứng từ gốc: IT: 31/07/2009

| TK Nợ | TK Có | Phát sinh | Diễn giải |
|---------|-------|-----------|--|
| ▶ 33311 | 1331 | 685,423 | Cuối kỳ kết chuyển thuế GTGT bán ra sang khấu trừ thuế |
| * | | | |

Chi dẫn: Thuế GTGT đầu ra Cộng: 685,423

Mới Lưu Xóa Thoát

b-Cập nhật kết chuyển số liệu

Với chức năng cập nhật kết chuyển số liệu; Người Quản lý có thể thiết lập quy trình và cách thức kết chuyển số liệu chi tiết thông qua chức năng Quản lý chứng từ kết chuyển sau: 2.Danh mục -> 6. Quản lý chung -> 2.Chứng từ kết chuyển:

Tùy theo loại hình kinh doanh của DN mà Người Quản lý có thể thiết lập cho phù hợp với DN của mình;

| Danh mục chứng từ kết chuyển | | | | | | | |
|------------------------------|-----|---|------|-------------------------------------|----------|-------------------------------------|--|
| Mã | Cấp | Diễn giải | TKKC | KCNợ | TK D/Ứng | Theo vụ việc | |
| ▶ 01KCLBH | 1 | Kết chuyển lương nhân viên bán hàng vào chi phí | 3341 | <input checked="" type="checkbox"/> | 6411 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 02KCLNVQL | 1 | Kết chuyển lương nhân viên quản lý DN vào chi phí | 3342 | <input checked="" type="checkbox"/> | 6421 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 03KCLTT | 1 | Kết chuyển lương Nhân công trực tiếp | 3343 | <input checked="" type="checkbox"/> | 622 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 04KCCPNVLT | 1 | Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp | 621 | <input checked="" type="checkbox"/> | 154 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 06KCCPSXC | 1 | Kết chuyển chi phí sản xuất chung | 627 | <input checked="" type="checkbox"/> | 154 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 11KCDTNB | 1 | Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ sang xác định KQKD | 512 | <input type="checkbox"/> | 911 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 12KCDTTC | 1 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang xác định KQKD | 515 | <input type="checkbox"/> | 911 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 14KCCPTC | 1 | kết chuyển chi phí Tài chính sang xác định KQKD | 635 | <input checked="" type="checkbox"/> | 911 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 17KCCPK | 1 | Kết chuyển chi phí khác sang xác định KQKD | 811 | <input checked="" type="checkbox"/> | 911 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 18KCTNK | 1 | Kết chuyển thu nhập khác sang xác định KQKD | 711 | <input type="checkbox"/> | 911 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 15KCCPBH | 2 | Kết chuyển chi phí bán hàng sang xác định KQKD | 641 | <input checked="" type="checkbox"/> | 911 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 16KCCPQLDN | 2 | Kết chuyển chi phí QLDN sang xác định KQKD | 642 | <input checked="" type="checkbox"/> | 911 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 05KCCPNCTT | 2 | Kết chuyển lương nhân công trực tiếp | 622 | <input checked="" type="checkbox"/> | 154 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 07KCGTSP | 3 | Kết chuyển giá thành sản phẩm | 154 | <input checked="" type="checkbox"/> | 155 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 10KCDTDV | 3 | Kết chuyển doanh thu sang xác định KQKD | 511 | <input type="checkbox"/> | 911 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 08KCGVTP | 4 | Kết chuyển giá vốn thành phẩm sang xác định KQKD | 155 | <input checked="" type="checkbox"/> | 6322 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 13KCGV | 4 | Kết chuyển giá vốn sang xác định KQKD | 632 | <input checked="" type="checkbox"/> | 911 | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| * | | | | | | | |

- Khi thiết lập cần lưu ý các nội dung sau:

- ❖ Mã: quy định mã kết chuyển cho từng nghiệp vụ kết chuyển
- ❖ Cấp: tùy thuộc vào thứ tự kết chuyển mà ta quy định cấp kết chuyển.
- ❖ Ví dụ: với quy trình kết chuyển giá vốn ta có các cấp kết chuyển sau:
 - i. 621, 622, 627 -> 632: Cấp 1
 - ii. 632 -> 911: Cấp 2
 - iii. 911 -> 421: Cấp 3
 - iv. Diễn giải: nội dung nghiệp vụ kết chuyển
 - v. TKKC: tài khoản mà số dư sẽ được kết chuyển
 - vi. TKNợ: quy định kết chuyển từ số dư Nợ của TKKC hay từ số dư Có
 - vii. TK Đ/ứng: tài khoản được kết chuyển từ số dư của TKKC

Vào cuối mỗi tháng khi thực hiện kết chuyển số liệu, phần mềm sẽ tự động kết chuyển các tài khoản không có số dư cuối kỳ như TK Có 632, 635, 641, 642 sang TK Nợ 911; TK Nợ 511, 515, 711... sang TK Có 911; TK 911 kết chuyển sang TK 421 để xác định kết quả kinh doanh là lãi hay lỗ).

Chọn tháng cần kết chuyển, click vào “Kết chuyển”, hệ thống sẽ tự động tính toán số dư của các tài khoản cần kết chuyển và tự động thực hiện các bút toán kết chuyển.

| Ngày | Số CT | Diễn giải | Tk Nợ | TK Có | Số tiền |
|------------|----------|---|-------|-------|-------------|
| 31/07/2009 | KQKD-1 | Kết chuyển kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 4212 | 911 | 114,644,586 |
| 31/07/2009 | 10KCDTD | Kết chuyển doanh thu sang xác định KQKD | 51111 | 911 | 2,700,000 |
| 31/07/2009 | 10KCDTD | Kết chuyển doanh thu sang xác định KQKD | 51131 | 911 | 3,598,182 |
| 31/07/2009 | 10KCDTD | Kết chuyển doanh thu sang xác định KQKD | 51134 | 911 | 5,000,000 |
| 31/07/2009 | 01KCLBH- | Kết chuyển lương nhân viên bán hàng vào chi phí | 6411 | 3341 | 1,410,000 |
| 31/07/2009 | 02KCLNV | Kết chuyển lương nhân viên quản lý DN vào chi phí | 6421 | 3342 | 6,832,000 |
| 31/07/2009 | 14KCCPT | kết chuyển chi phí Tài chính sang xác định KQKD | 911 | 6351 | 382,592 |
| 31/07/2009 | 14KCCPT | kết chuyển chi phí Tài chính sang xác định KQKD | 911 | 6352 | 99,505,094 |
| 31/07/2009 | 15KCCPB | Kết chuyển chi phí bán hàng sang xác định KQKD | 911 | 6411 | 1,755,000 |
| 31/07/2009 | 15KCCPB | Kết chuyển chi phí bán hàng sang xác định KQKD | 911 | 6413 | 203,546 |
| 31/07/2009 | 15KCCPB | Kết chuyển chi phí bán hàng sang xác định KQKD | 911 | 6417 | 885,066 |
| 31/07/2009 | 16KCCPQ | Kết chuyển chi phí QLDN sang xác định KQKD | 911 | 6421 | 7,844,000 |
| 31/07/2009 | 16KCCPQ | Kết chuyển chi phí QLDN sang xác định KQKD | 911 | 6423 | 1,994,849 |
| 31/07/2009 | 16KCCPQ | Kết chuyển chi phí QLDN sang xác định KQKD | 911 | 6424 | 3,018,054 |
| 31/07/2009 | 16KCCPQ | Kết chuyển chi phí QLDN sang xác định KQKD | 911 | 6427 | 10,354,567 |
| * | | | | | |

Sau khi thực hiện xong thì Người sử dụng Click vào “Hoàn tất”

Kết chuyển số liệu

Tháng: 7

Kết chuyển Xóa Thoát

Chứng từ kết chuyển

| Ngày | Số CT | Diễn giải | Tk Nợ | TK Có | Số tiền |
|------------|----------|--|-------|-------|-------------|
| 31/07/2009 | KQKD-1 | Kết chuyển kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 4212 | 911 | 114,644,586 |
| 31/07/2009 | 10KCDTD | Kết chuyển doanh thu sang xác định KQKD | 51111 | 911 | 2,700,000 |
| 31/07/2009 | 10KCDTD | Kết chuyển doanh thu sang xác định KQKD | 51131 | 911 | 3,598,182 |
| 31/07/2009 | 10KCDTD | Kết chuyển doanh thu sang xác định KQKD | 51134 | 911 | 5,000,000 |
| 31/07/2009 | 01KCLBH- | Kết chuyển chi phí | 6411 | 3341 | 1,410,000 |
| 31/07/2009 | 02KCLNV | Kết chuyển chi phí | 6421 | 3342 | 6,832,000 |
| 31/07/2009 | 14KCCPT | kết chuyển KQKD | 911 | 6351 | 382,592 |
| 31/07/2009 | 14KCCPT | kết chuyển KQKD | 911 | 6352 | 99,505,094 |
| 31/07/2009 | 15KCCPB | Kết chuyển KQKD | 911 | 6411 | 1,755,000 |
| 31/07/2009 | 15KCCPB | Kết chuyển KQKD | 911 | 6413 | 203,546 |
| 31/07/2009 | 15KCCPB | Kết chuyển chi phí bán hàng sang xác định KQKD | 911 | 6417 | 885,066 |
| 31/07/2009 | 16KCCPQ | Kết chuyển chi phí QLDN sang xác định KQKD | 911 | 6421 | 7,844,000 |
| 31/07/2009 | 16KCCPQ | Kết chuyển chi phí QLDN sang xác định KQKD | 911 | 6423 | 1,994,849 |
| 31/07/2009 | 16KCCPQ | Kết chuyển chi phí QLDN sang xác định KQKD | 911 | 6424 | 3,018,054 |
| 31/07/2009 | 16KCCPQ | Kết chuyển chi phí QLDN sang xác định KQKD | 911 | 6427 | 10,354,567 |
| * | | | | | |

Accounting System

Hoàn tất !!!

OK

c- Trích lục các quỹ:

Từ tháng: 10 Đến tháng: 10

Trích lục Xóa Thoát

Chứng từ trích lục

| Ngày | Số CT | Diễn giải | Tk Nợ | TK Có |
|------------|--------|--------------------------------|-------|-------|
| 31/10/2008 | KTPL-2 | Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | 4212 | 411 |
| 31/10/2008 | DTPT-1 | Trích quỹ đầu tư phát triển | 4212 | 414 |
| 31/10/2008 | QDPH-3 | Trích quỹ dự phòng | 4212 | 415 |
| * | | | | |

Thông thường, mỗi một doanh nghiệp vào cuối năm thường trích lọc các quỹ theo một tỷ lệ quy định chung. Cuối năm tài chính (31/12) doanh nghiệp sẽ vào 3. Cập nhật số liệu -> 5. Kế toán tổng hợp -> 4. Trích lọc các quỹ để thực hiện việc trích lọc số liệu một cách tự động;

Doanh nghiệp có thể tự mình quản lý các thông số về trích lọc bằng cách vào 2. Danh mục -> 6. Quản lý chung -> 4. Quản lý trích lọc các quỹ để quy định riêng cho mình các hình thức trích lọc phù hợp:

| Danh mục chứng từ trích lọc các quỹ | | | | |
|-------------------------------------|--------------------------------|-----------|----------|--|
| Danh mục chứng từ trích lọc | | | | |
| Mã | Diễn giải | Tài khoản | TL trích | |
| ▶ DTPT | Trích quỹ đầu tư phát triển | 414 | .05 | |
| KTPL | Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | 411 | .07 | |
| QDPH | Trích quỹ dự phòng | 415 | .05 | |
| * | | | | |

Các thông tin cần lưu ý sau:

- Mã: mã chứng từ trích lọc do người dùng tự quy định
- Diễn giải: nội dung trích lọc sẽ được đưa lên nhật ký chi tiết
- Tài khoản: tài khoản các quỹ được trích lọc
- Tỷ lệ trích lọc: mức trích lọc các quỹ tùy thuộc vào quy định hoặc tùy theo tình hình hoạt động của từng DN

d- Tổng hợp số liệu báo cáo:

Tổng hợp số liệu báo cáo

Tổng hợp phát sinh mới từ: đến
 Thiết lập index chứng từ thả

Tổng hợp toàn bộ

Điều kiện lọc
 Tài khoản: Đối tác:
 Vụ việc: Vật tư:

Chi tiết số phát sinh

Cộng:

- Số liệu được nhập thuộc nhiều nghiệp vụ khác nhau với các thông tin đặc thù dành riêng cho từng nghiệp vụ. Để có thể tổng hợp các số liệu đó lại và đưa vào các sổ sách kế toán; ta cần tổng hợp số liệu của tất cả các nghiệp vụ đã được phát sinh.
- Chọn tháng cần tổng hợp, click “Tổng hợp” để tổng hợp số liệu.
- Có 2 hình thức tổng hợp:
 - ❖ Tổng hợp trong một khoản thời gian theo số liệu phát sinh mới bằng cách chọn khoản thời gian và click vào “Tổng hợp”. Cách thức này phù hợp khi ta vừa thực hiện xong 1 số chứng từ hay nhập liệu trong 1 số ngày và chỉ cần tổng hợp số liệu này mà thôi.
 - ❖ Tổng hợp toàn bộ: khi doanh nghiệp muốn kiểm tra lại số liệu trong toàn bộ thời gian cũng như thực hiện in ra sổ sách đầy đủ thì chọn chức năng này sẽ đẩy nhanh tốc độ tổng hợp lên rất nhiều so với khi chọn khoảng thời gian là cả năm tài chính.
 - ❖ Ta có thể xem nhanh số phát sinh của:
 - i. Tài khoản
 - ii. Đối tác
 - iii. Vật tư
 - iv. Vụ việc

bằng cách chọn các mục thông tin đó, click vào “Liệt kê”.

g. Khoá sổ, mở khoá sổ:

- Cuối một tháng nhập liệu, sau khi in ra tất cả sổ sách cần thiết và đã đối chiếu để đảm bảo tính chính xác của số liệu cũng như sổ sách. Người quản trị cao nhất của hệ thống kế toán có quyền thực hiện nghiệp vụ khoá sổ toàn bộ số liệu kế toán của tháng nhập liệu. Một khi đã được khoá sổ, người dùng chỉ có thể xem được số liệu phát sinh trong tháng mà không thể thực hiện thay đổi chỉnh sửa hay xóa số liệu đó.



- Chọn tháng cần khoá sổ và click vào “Khoá sổ” để thực hiện khoá sổ số liệu trong tháng.
- Khi phát sinh nhu cầu chỉnh sửa lại số liệu tháng đã bị khoá sổ, bạn sẽ thực hiện việc mở khoá sổ bằng cách chọn tháng và click vào “Mở khoá sổ”

HỆ THỐNG BÁO CÁO

Có 2 hình thức báo cáo:

1-Các báo cáo chi tiết theo hàng tháng: dựa trên hệ thống tài khoản: đây là các sổ phát sinh, các báo cáo quản trị; chức năng này cung cấp các báo cáo dựa trên các tiêu chí lọc cực kỳ đơn giản và hiệu quả đảm bảo đơn vị có thể nắm được toàn bộ thông tin về tài chính của mình trong tháng một cách nhanh chóng và chính xác.

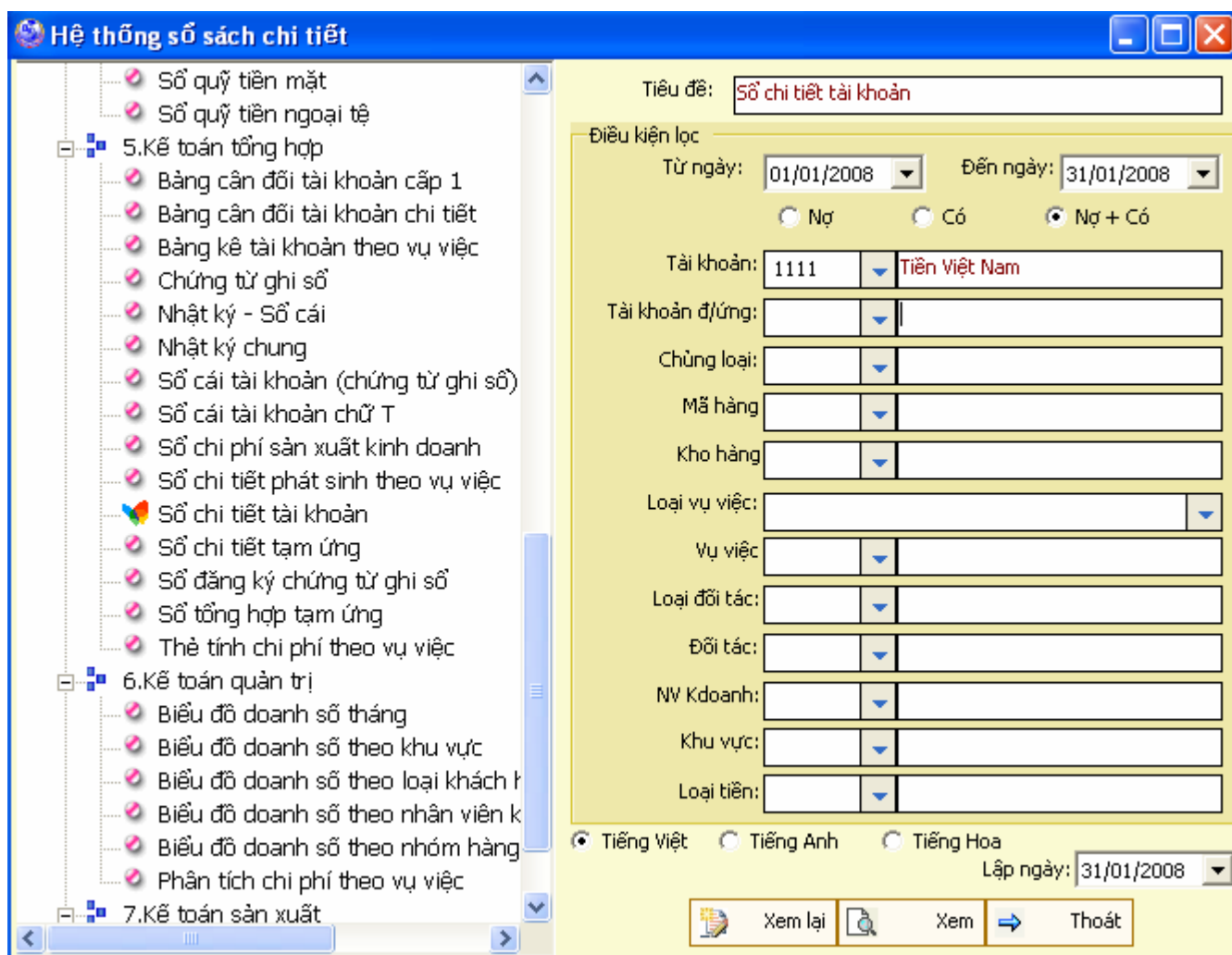
Với hệ thống báo cáo này, người dùng có thể tự mình lọc ra các nội dung phù hợp với yêu cầu quản lý của mình một cách dễ dàng bằng cách chọn các trường lọc.

Hệ thống báo cáo này được phân chia theo từng loại hình nghiệp vụ đồng thời tương ứng với nhu cầu quản trị và hoạt động nghiệp vụ của các doanh nghiệp. Để xem báo cáo, bạn chỉ cần đơn giản chọn báo cáo đó và click vào nút "Xem".

Người sử dụng cần lưu ý các thông tin sau:

- Từ ngày, Đến ngày: đây là ưu điểm cho phép người quản trị có thể theo dõi thông tin về số liệu phát sinh của mình trong bất kỳ khoảng thời gian nào.



- Nợ, Có, Nợ +Có: cho phép người sử dụng chỉ theo dõi các tài khoản phát sinh Nợ, phát sinh Có hay cả phát sinh Nợ lẫn phát sinh Có.
- Các điều kiện lọc: đây là tính năng vượt trội của “B.A.S” so với các hệ thống phần mềm kế toán khác. Với tính năng này, người quản trị có thể theo dõi tất cả các số liệu tài chính, kế toán, doanh số, công nợ... một cách chi tiết cũng như tổng hợp ở mọi cấp độ có thể. Bạn có thể chọn bất kỳ điều kiện lọc nào thích hợp để xem các thông tin thích hợp.



- Tiếng Anh – Việt: cho phép xem báo cáo bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh
- Lập ngày: ngày lập báo cáo
- Xem lại: với tính năng này, người sử dụng sẽ giải phóng gánh nặng của máy chủ quản trị cơ sở dữ liệu; đồng thời tăng tốc độ truy xuất và kiểm tra số liệu.

Một tính năng vượt trội của “B.A.S” là cho phép người dùng khả năng tự mình xây dựng và thiết lập lại nội dung và cách tổ chức các sổ sách báo cáo cho riêng mình. Chọn 2.Danh mục ->6. Quản lý chung -> 4.Quản lý báo cáo:

| Quản lý báo cáo | | | |
|---------------------|------------|---|-----------------------------|
| Danh mục báo cáo | | | |
| Nghiệp vụ | Mã BC | Tên báo cáo | Phiếu in |
| 1. Kế toán bán hàng | INHD | Công nợ phải thu theo hóa đơn | rpt_CongnoPhaiThuTheoHoa |
| 1. Kế toán bán hàng | BCCNPHTCTT | Số chi tiết công nợ phải thu theo đối tượng | rpt_CongNoPhaiThuChiTiet.r |
| 1. Kế toán bán hàng | BCCNPHTHT | Số tổng hợp công nợ phải thu theo đối tượng | rpt_CongNoPhaiThuTongHop |
| 1. Kế toán bán hàng | BCDSBTKHCT | Chi tiết doanh số bán theo khách hàng | rpt_DoanhSoTheoKHChiTiet. |
| 1. Kế toán bán hàng | BCDSBTKHTH | Tổng hợp doanh số bán theo khách hàng | rpt_DoanhSoTheoKHTongHo |
| 1. Kế toán bán hàng | BCDSBTMHC | Chi tiết doanh số bán theo mặt hàng | rpt_DoanhSoTheoMHChiTiet. |
| 1. Kế toán bán hàng | BCDSBTMHT | Tổng hợp doanh số bán theo mặt hàng | rpt_DoanhSoTheoMHTongH |
| 1. Kế toán bán hàng | BCDSTNVKD | Tổng hợp doanh số bán theo nhân viên kinh doanh | rpt_DoanhSoTheoNhanvienK |
| 1. Kế toán bán hàng | BCHDDHTT | Hoá đơn đến hạn thanh toán | rpt_HoaDonDenHanThanhTo |
| 1. Kế toán bán hàng | BCNKBH | Nhật ký bán hàng | rpt_NhatKyBanHang.rpt |
| 1. Kế toán bán hàng | BCSCTBH | Số chi tiết bán hàng | rpt_SoChiTietBanHang.rpt |
| 1. Kế toán bán hàng | BCTKDSO | Báo cáo tổng hợp doanh số bán theo thứ tự | rpt_DoanhSoTheoKHTongHo |
| 1. Kế toán bán hàng | BCTTCN | Tính tuổi công nợ | rpt_TinhTuoiCongNo.rpt |
| 2. Kế toán mua hàng | BCCNPTRTDT | Số chi tiết công nợ phải trả theo đối tượng | rpt_CongnoPhaitraChiTiet.rp |
| 2. Kế toán mua hàng | BCCNPTRTDT | Số tổng hợp công nợ phải trả theo đối tượng | rpt_CongnoPhaitraTongHop. |
| 2. Kế toán mua hàng | BCNKMH | Nhật ký mua hàng | rpt_NhatKyMuaHang.rpt |
| 2. Kế toán mua hàng | BCTKMH | Thống kê mua hàng | rpt_ThongKeMuaHang.rpt |
| 3. Kế toán kho | BCBKNK | Bảng kê nhập kho | rpt_BangKeNhapKho.rpt |
| 3. Kế toán kho | BCBKXK | Bảng kê xuất kho | rpt_BangKeXuatKho.rpt |
| 3. Kế toán kho | BCNXTCT | Số chi tiết Nhập - Xuất - Tồn | rpt_ChiTietNXT.rpt |

 Lưu
  Thoát

Nội dung báo cáo được tổ chức theo từng nghiệp vụ, các nghiệp vụ này được phân tích và tổng hợp theo từng chức năng cụ thể của đơn vị. Bạn cần lưu ý các thông tin sau:

- Nghiệp vụ: báo cáo này thuộc về loại hình nghiệp vụ nào
- Mã CT: mã của báo cáo
- Tên chứng từ: tên của sổ sách báo cáo
- Phiếu in: tên file báo cáo dưới định dạng Crystal report (.rpt). Để chọn một file báo cáo, bạn có thể ấn F2, “BAS” cho phép bạn truy xuất đến báo cáo cần thiết.
- Điều kiện: Người dùng có thể tăng tốc độ truy xuất báo cáo bằng các đưa ra các điều kiện lọc thích hợp
 - ❖ Diễn giải: hướng dẫn về nội dung và mục đích của báo cáo.
 - ❖ Click “Luu” để lưu lại thông tin về báo cáo.

*- Bảng kê thuế:

Khi bán hàng: Người dùng có thể dùng “Hóa đơn bán hàng” hoặc “Phiếu thu” để ghi nhận doanh số; Khi đó Người dùng sẽ đánh dấu check vào “lập bảng kê thuế”;

Tùy theo mặt hàng bán có chịu thuế GTGT hay không chịu thuế GTGT mà Người dùng sẽ chọn:

- “chịu thuế và không chịu thuế”

- “chịu thuế”
- “không chịu thuế”

Hóa đơn bán hàng-HDBH

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 1

Thông tin chứng từ Ngày: 28/07/2009 Mã: Tên: Số: HDBH-02 Địa chỉ: MST:

Thông tin khách hàng

Nội dung chứng từ

Vụ việc: Hình thức thanh toán: Diễn giải: Bán Nguyệt san Saigon LifeStyles Thời hạn thanh toán: 0

Hoá đơn xuất-Seri: NE/2008N Số: 00186887 Ngày HĐ: 28/07/2009

Lập bảng kê thuế Font Chịu thuế và không chịu thuế Chịu thuế Không chịu thuế

| TK Nợ | TK Có | Kho xuất | Vật tư | ĐVT | Số lượng | Đơn giá(NT) | Đơn giá | VAT | Phát sinh(NT) | Phát sinh LCTT | Diễn giải |
|-------|-------|----------|--------|-----|----------|-------------|---------|-----|---------------|----------------|-----------|
| * | | | | | | | | | | | |

Chi dẫn: Cộng:

Hủy hoá đơn Xem bảng kê thuế Mới Lưu Xóa Thoát

Phiếu thu-PTHU

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 1

Thông tin chứng từ Ngày: 21/07/2009 Mã: Osaka Tên: Công ty TNHH TM-DV Sản Xuất Thiên Thành Phát Số: PTHU-02 Địa chỉ: 233/15 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp.HCM MST: 0309187709

Thông tin người trả

Nội dung chứng từ

Vụ việc: SPBAS Phần mềm kế toán BAS Diễn giải: Thu trước 30% phí dịch vụ cung cấp phần mềm kế toán - Công ty Thiên Thành Phát Chứng từ gốc: Hợp đồng: 210709/ Ngày CT: 21/07/2009

Lập bảng kê thuế Font Chịu thuế và không chịu thuế Chịu thuế Không chịu thuế Loại thuế: Đầu vào Đầu ra

Chi dẫn: Cộng: 8,100,000

| Ngày | Số CT | Phát sinh | Phát sinh (NT) | Còn lại | Còn lại (NT) | Thanh toán | Thanh toán (NT) |
|------|-------|-----------|----------------|---------|--------------|------------|-----------------|
| | | | | | | | |

Cộng: 0 0 0 0 0 0 0 0

Xem bảng kê thuế Mới Lưu Xóa Thoát

Khi mua hàng: Người dùng có thể dùng “Hóa đơn mua hàng” hoặc “Phiếu chi” để ghi nhận; Khi đó Người dùng sẽ đánh dấu check vào “lập bảng kê thuế”;

Tùy theo mặt hàng bán có chịu thuế GTGT hay không chịu thuế GTGT mà Người dùng sẽ chọn:

- “chịu thuế và không chịu thuế”
- “chịu thuế”
- “không chịu thuế”

Hóa đơn mua hàng-HDMH

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 1

Thông tin chứng từ **Thông tin nhà cung cấp**

Ngày: 28/07/2009 Mã: Tên: Số: HDMH-01 Địa chỉ: MST:

Nội dung chứng từ

Vụ việc: Diễn giải: Mua hàng nhập kho
 Hoá đơn nhập: Ngày HĐ: 28/07/2009
 Lập bảng kê thuế Font
 Chịu thuế và không chịu thuế Chịu thuế Không chịu thuế

| TK Nợ | TK Có | Kho nhập | Vật tư | ĐVT | Số lượng | Đơn giá(NT) | Đơn giá | VAT | Phát sinh(NT) | Phát sinh | LCTT | Diễn giải |
|-------|-------|----------|--------|-----|----------|-------------|---------|-----|---------------|-----------|------|-----------|
| * | | | | | | | | | | | | |

Chi dẫn: Cộng:

Phân bổ các chi phí Xem bảng kê thuế Mới Lưu Xóa Thoát

Phiếu chi-PCHI

Trước Kế tiếp Liệt kê Phiếu in Loại tiền: VND Việt Nam đồng Tỷ giá: 1

Thông tin chứng từ **Thông tin người nhận**

Ngày: 10/07/2009 Mã: Thuy Tên: Đinh Thị Thu Thủy Số: PCHI-01 Địa chỉ: Nhân viên kế toán MST:

Nội dung chứng từ

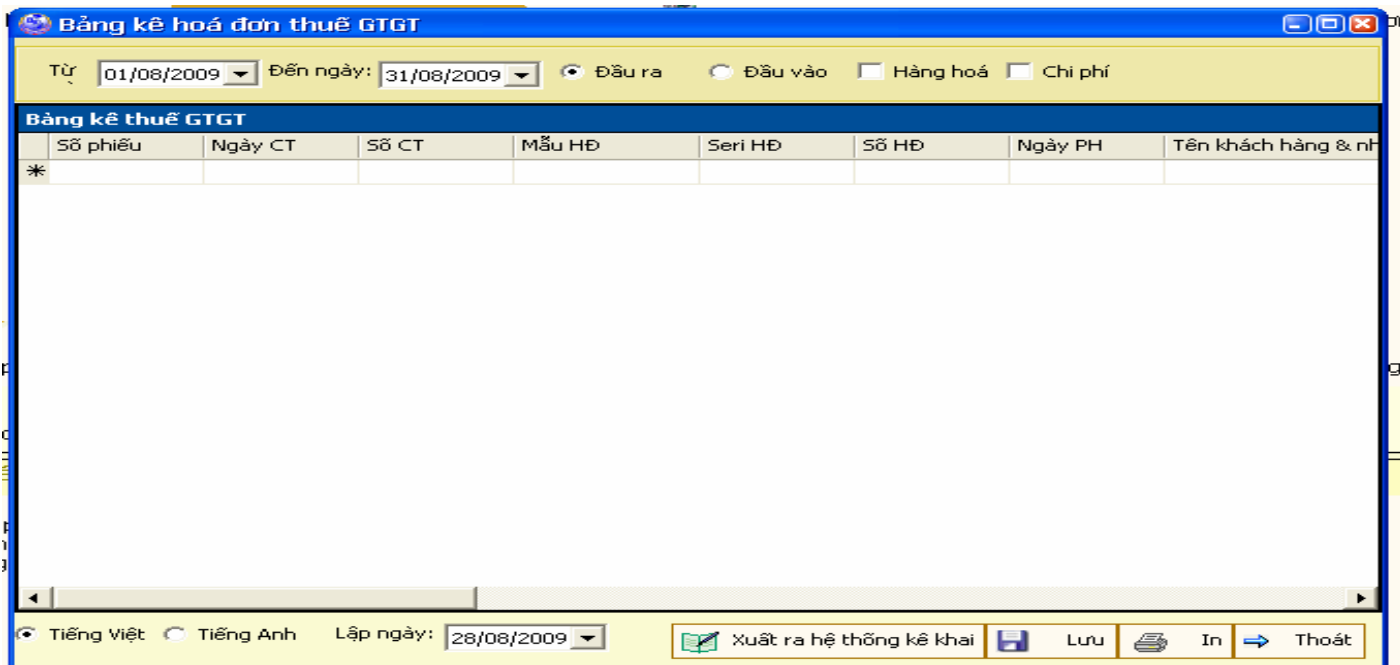
Vụ việc: Diễn giải: Thanh toán cước điện thoại tháng 06/2009
 Chứng từ gốc: HĐ 0751435-36 AA Ngày CT: 10/07/2009
 Lập bảng kê thuế Font
 Chịu thuế và không chịu thuế Chịu thuế Không chịu thuế

| TK Nợ | TK Có | Diễn giải | VAT | Phát sinh(NT) | Phát sinh | LCTT |
|--------|-------|---|-----|---------------|-----------|---------|
| ▶ 6427 | 1111 | Thanh toán cước điện thoại tháng 06/2009 | | | | 258,114 |
| 1331 | 1111 | Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ | 10 | | | 25,812 |
| * | | | | | | |

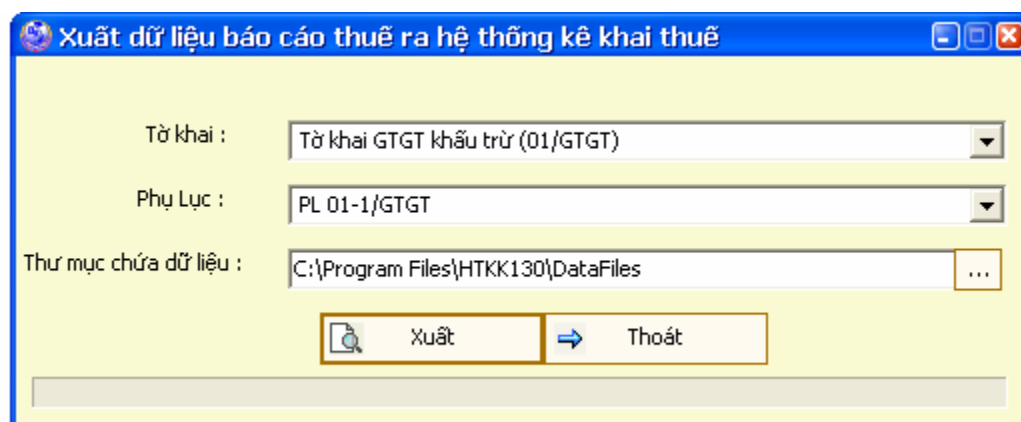
Chi dẫn: Cộng: 283,926

Xem bảng kê thuế Mới Lưu Xóa Thoát

- Để xuất dữ liệu sang báo cáo thuế HTKK; Người dùng vào mục “Hệ thống báo cáo” lựa chọn xem “bảng kê thuế GTGT”. Đồng thời, hệ thống cho phép Người dùng xuất nội dung bảng kê vào chương trình in Bảng kê thuế bằng mã vạch của cục thuế bằng chức năng sau.



- Click vào “Xuất ra hệ thống kê khai”



- Các nội dung cần lưu ý sau:
 - ❖ Bảng kê: chọn mẫu bảng kê thuế bạn cần xuất
 - ❖ Font chữ: chọn font chữ cần xuất nội dung bảng kê, mặc định là font TCVN3
 - ❖ Chọn file dữ liệu lưu trữ bảng kê: **mặc định là đường dẫn file được cài đặt**
 - ❖ Click vào “Xuất”, hệ thống sẽ tự động kết xuất số liệu bảng kê vào chương trình in bảng kê bằng mã vạch
- Vào chương trình in bảng kê, bạn sẽ thấy được nội dung đã được xuất ra

2-Các báo cáo tài chính tổng hợp cuối năm: bao gồm:

a-Bảng cân đối kế toán

Người sử dụng chọn theo Tháng, Quý hoặc năm

File Excel mẫu: C:\Program Files\GoldenLand\BAS_STC\Reports\Excel_Templates\BC_CDKT.xls
File mới: C:\Program Files\GoldenLand\BAS_STC\Reports\Excel_Templates\Ketoan_STC_BC_CDKT_2008.x

Loại báo cáo
 Tháng Quý Năm 1

Tiếng Việt Tiếng Anh Lập ngày: 31/03/2008

Thiết lập Tổng hợp In Thoát

Thiết lập báo cáo tài chính

Các chỉ tiêu báo cáo tài chính

| Chỉ tiêu | Cell | Công thức | Số dư | Số d |
|--|------|--|-------|------|
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | D100 | left(TKID,3)=#466# | CKC | |
| Tài sản thuê ngoài | D107 | left(TKID,3)=#001# | CKN | |
| Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, gia công | D108 | left(TKID,3)=#002# | CKN | |
| Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi | D109 | left(TKID,3)=#003# | CKN | |
| Tiền | D11 | left(TKID,2)=#11# | CKN | |
| Nợ khó đòi đã xử lý | D110 | left(TKID,3)=#004# | CKN | |
| Ngoại tệ các loại | D111 | left(TKID,3)=#007# | CKN | |
| Dự toán chi sự nghiệp, dự án | D112 | left(TKID,3)=#008# | CKN | |
| Dự toán chi sự nghiệp, dự án | D113 | left(TKID,3)=#008# | CKN | |
| Ngày lập | D117 | NGAYLAP | HS | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | D12 | left(TKID,5)=#12111# | CKN | |
| Đầu tư ngắn hạn | D14 | left(TKID,3)=#121# or left(TKID,3)=#128 | CKN | |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn | D15 | left(TKID,3)=#129# | CKN | |
| Phải thu khách hàng | D17 | left(TKID,4)=#1311# | CKN | |
| Trả trước cho người bán | D18 | left(TKID,3)=#331# | CKN | |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | D19 | left(TKID,4)=#1368# | CKN | |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | D20 | left(TKID,3)=#337# | CKN | |
| Các khoản phải thu khác | D21 | left(TKID,3) in (#141#,#144#) and left(T | CKN | |
| Dự phòng khoản thu ngắn hạn khó đòi | D22 | left(TKID,3)=#139# | CKN | |
| Hàng tồn kho | D24 | left(TKID,2)=#15# and left(TKID,3)<>#1 | CKN | |

Lưu Thoát

- Kết quả Bảng cân đối kế toán dựa trên số liệu phát sinh trong thời gian theo dõi; thông qua công thức, hệ thống sẽ tự động tính toán các chỉ tiêu trong bảng.
- Bạn cần lưu ý các thông tin sau:
 - ❖ File Excel mẫu: Mẫu biểu của Bảng cân đối kế toán sẽ dựa trên file Excel mẫu đã được thiết lập trước đó phù hợp với mẫu cung cấp của từng chi cục thuế. Chọn vào nút “...” để chọn file Excel mẫu của bạn.

- ❖ Tên file mới: khi bạn thiết lập Bảng cân đối mới, bạn có thể tự mình sử dụng tên sheet của bảng mới tạo ra. Thông thường, chức năng này thích hợp đối với các công ty tư vấn kế toán có nhu cầu quản lý kế toán cho nhiều công ty khách hàng, lúc đó mỗi khách hàng sẽ là 1 sheet riêng theo thời gian và theo tên khách hàng.
- ❖ Cách tạo Bảng cân đối kế toán sẽ như sau: trên cơ sở file mẫu, ta sẽ thiết lập công thức phù hợp để điền số liệu cho từng cell; các công thức này đã được thiết lập mặc định, tất nhiên bạn sẽ thay đổi cho phù hợp nếu cần. Chọn nút “Tổng hợp”, hệ thống sẽ tự động truy xuất và tổng hợp số liệu phù hợp theo công thức đã được cung cấp. Mọi khó khăn về thiết lập công thức, bạn có thể liên hệ trực tiếp Bộ phận Giải pháp doanh nghiệp của công ty Golden Land

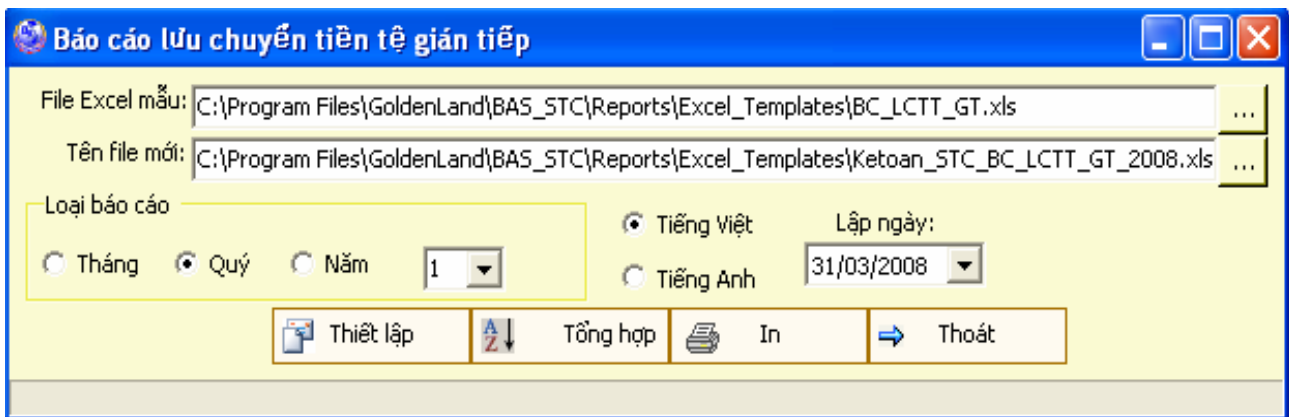


b- Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

| Chỉ tiêu | Cell | Công thức | Số dư | Số dương |
|-------------------------------------|------|---------------------------------------|-------|-------------------------------------|
| Tên công ty | A2 | TENCTY | HS | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Mã số thuế | A3 | MST | HS | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Năm | A5 | NAM | HS | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | D10 | left(TKID,3) = #511# and left(TKDoiUn | N | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Giá vốn hàng bán | D11 | left(TKID,3)=#911# and left(TKDoiUn | N | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Doanh thu từ hoạt động tài chính | D14 | left(TKID,3)=#515# and left(TKDoiUn | N | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Chi phí tài chính | D15 | left(TKID,3)=#911# and left(TKDoiUn | N | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Chi phí bán hàng | D17 | left(TKID,3)=#911# and left(TKDoiUn | N | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | D18 | left(TKID,3)=#911# and left(TKDoiUn | N | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Thu nhập khác | D20 | left(TKID,3)=#711# and left(TKDoiUn | N | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Chi phí khác | D21 | left(TKID,3)=#911# or left(TKID,3)= | N | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | D23 | left(TKID,4)=#3334# and left(TKDoiUn | C | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | D26 | | | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Ngày lập | D30 | NGAYLAP | HS | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ | D9 | left(TKID,3) in (#511#,#512#) | C | <input checked="" type="checkbox"/> |
| * | | | | |

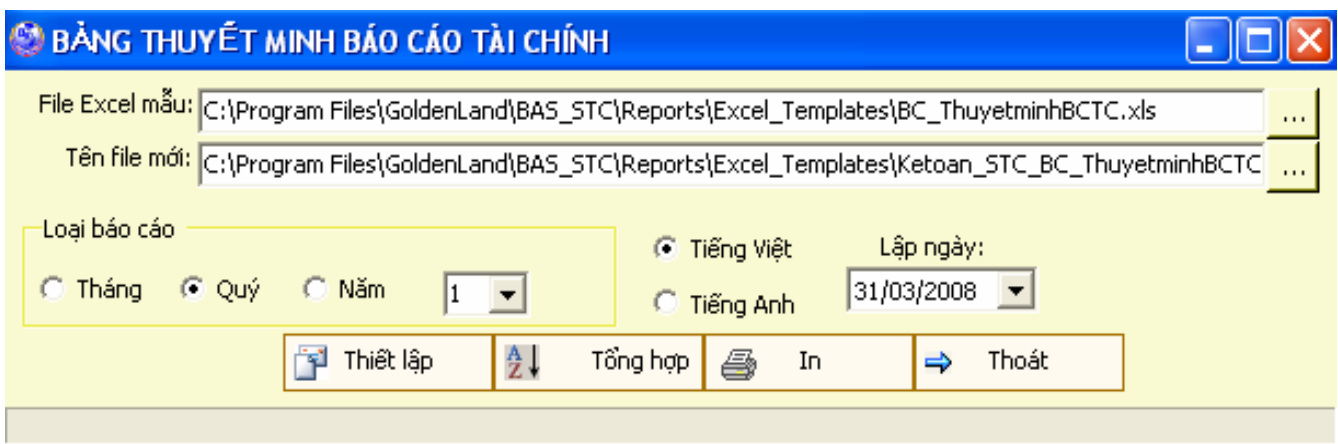
c- Lưu chuyển tiền tệ:

- ❖ Trực tiếp
- ❖ Gián tiếp

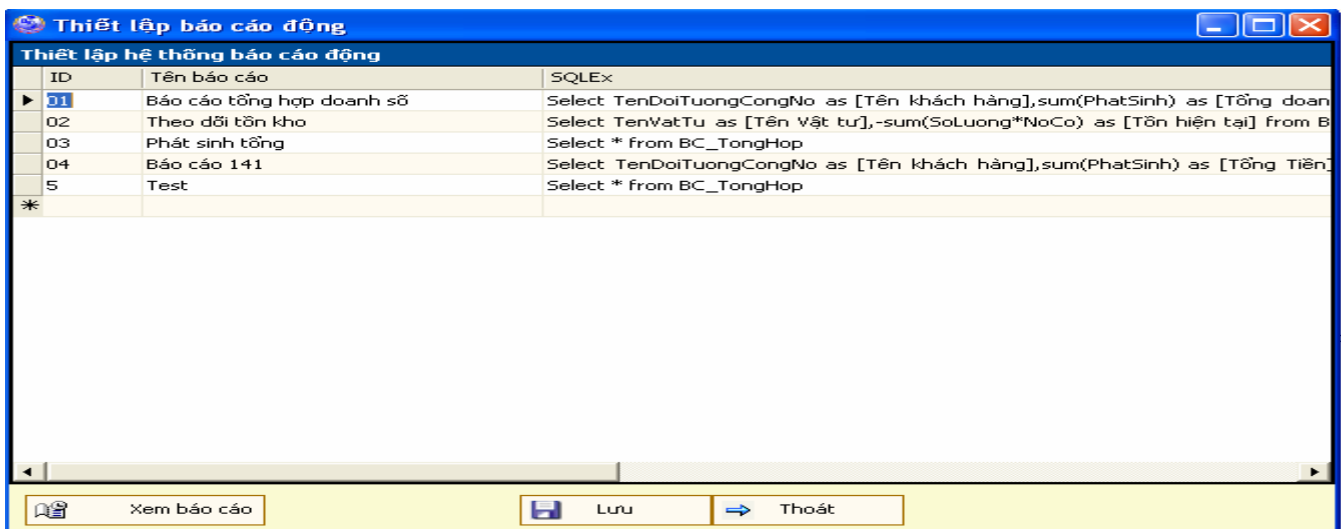


d- Thuyết minh báo cáo tài chính

- Về mặt kỹ thuật, các báo cáo này hoàn toàn tương tự với Bảng cân đối kế toán, do đó bạn có thể dựa vào Bảng cân đối kế toán để thiết lập các báo cáo này một cách dễ dàng.



e-Các báo cáo động: hệ thống các báo cáo động được thiết lập trên cơ sở việc trích lọc dữ liệu bằng ngôn ngữ truy vấn. Nếu nắm được một cách căn bản về ngôn ngữ này và hệ thống cơ sở dữ liệu, các hệ thống báo cáo này sẽ thực sự là công cụ tuyệt vời để người quản trị có thể kiểm tra, theo dõi, tổng hợp dữ liệu kế toán tài chính một cách đơn giản và nhanh chóng mà cực kỳ hiệu quả và chính xác.



NÊN & KHÔNG NÊN

1. **Trường hợp** DN có Tài khoản Tiền gửi ngân hàng, đơn vị có thể hạch toán chi tiết tài khoản cho từng ngân hàng mà đơn vị có tài khoản; nhờ đó có thể quản lý được chi tiết số chi tiết tiền gửi ngân hàng tại ngân hàng của mình.
2. **Phải** nhập Ngày nhập, Ngày chứng từ nằm trên form nhập liệu ; nếu không sẽ gây ra những sai sót trong quá trình tìm kiếm và tổng hợp số liệu.
3. **Phải** thực hiện “Kết chuyển số liệu và Tổng hợp số liệu” trước khi xem báo cáo, nếu không các số liệu được nhập mới sẽ không được tổng hợp vào các báo cáo cuối tháng.
4. **Nên** thiết lập các hệ thống danh mục trước khi nhập liệu, điều này cho phép bạn nhập liệu nhanh chóng dựa trên hệ thống danh mục đã được cập nhật.
5. **Nên** chọn ngày làm việc là ngày trên các chứng từ hiện nhập (thường các đơn vị không nhập liệu hằng ngày mà tập hợp số liệu để nhập một lần), điều này giúp tăng tốc độ nhập liệu.
6. **Phải** click vào nút truy xuất nằm bên phải hộp danh sách lựa chọn khi nhập các hệ thống danh mục chi tiết của một danh mục cho trước (ví dụ: Chi tiết công nợ thuộc Loại đối tượng công nợ, Chi tiết vật tư hàng hoá thuộc Chung loại vật tư hàng hoá).
7. **Không nên** thay đổi mã của vật tư, hàng hoá, các đối tượng công nợ liên tục, điều này sẽ làm mất đi tính ổn định của hệ thống đồng thời khiến người dùng khó khai thác số liệu khi cần thiết.
8. **Không nên** cho phép tất cả người dùng có quyền Admin (Quyền quản trị hệ thống), điều này dễ dẫn đến những khó khăn trong quá trình kiểm soát tác nghiệp của từng người.
9. **Không nên** sử dụng chứng từ “Hạch toán nội bộ” cho tất cả nghiệp vụ phát sinh (mặc dù là không cấm) bởi chương trình được thiết kế sao cho ta có thể theo dõi một cách minh bạch và rõ ràng các nghiệp vụ phát sinh theo các chức năng cụ thể đã được module hoá của hệ thống.
10. **Không nên** sử dụng dấu cho các mã vật tư, hàng hoá, đối tượng công nợ... hay bất kỳ một danh mục nào khác cũng như **không nên** dùng mã quá dài; điều này làm dữ liệu chứa nhiều hơn và làm hệ thống vận hành chậm hơn.